

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày: 13/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng và ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đồng- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 13 tháng 1 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

- Họ tên: Phan Xuân P; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 23 tháng 01 năm 1980 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc Trung tâm Ư, vật nuôi huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; đảng viên sinh hoạt tại chi bộ Nông nghiệp thuộc Đảng bộ cơ quan chính quyền huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; hiện nay đã bị khai trừ đảng; con ông: Phan Xuân L (đã chết); con bà: Trần Thị C; sinh năm 1952; anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ hai; vợ: Bùi Thị D1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/10/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện trú tại khối G, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
- Họ tên: Lê Thị H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 08 tháng 8 năm 1976 tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Kế toán tại Trung tâm Ư, vật nuôi huyện C, Hà Tĩnh; đảng viên Đ10, sinh hoạt tại chi bộ khối 9 thuộc Đảng bộ thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; con ông: Lê Xuân Q; sinh năm 1944 (đã già yếu) và bà: Nguyễn Thị L1 (đã chết); anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; chồng: Đặng Văn L2 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/10/2023 đến nay tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
- Họ tên: Đặng Văn M; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 06 tháng 02 năm 1984 tại thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở hiện nay: số nhà F, đường T, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH

N8; đảng viên Đ10, sinh hoạt tại chi bộ tổ dân phố T thuộc Đảng bộ phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông: Đặng Minh H1 và bà: Lê Thị M1; sinh năm 1960; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Đường Thị Hạt P1 và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/10/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện đang trú tại phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Họ tên: Nguyễn Quốc V; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 04 tháng 3 năm 1979 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn Đ, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; đảng viên Đ10, sinh hoạt tại chi bộ thôn Đ, thuộc Đảng bộ xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; con ông: Nguyễn Ngọc S (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị B; sinh năm 1950; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Nguyễn Thúy V1 và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 12/12/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 đến nay tại xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Họ tên: Phan Văn H2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 05 tháng 5 năm 1975 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn P, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Chủ tịch UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; đảng viên Đ10, sinh hoạt tại chi bộ thôn P, thuộc Đảng bộ xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; con ông: Phan Văn T (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị T1 (Đã chết); anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ ba; vợ Hồ Thị T2; sinh năm 1979 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. bị khởi tố bị can ngày 12/12/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 đến nay tại xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Họ tên: Hoàng Đình T3; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 12 tháng 02 năm 1983 tại huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn Í, xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần G1; con ông: Hoàng Quốc V2 (đã chết) và bà: Phan Thị Y; sinh năm: 1945; anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ ba; vợ: Trần Thị T4 và 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/10/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện đang trú tại thôn Í, xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

7. Họ tên: Hoàng Anh T28; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 02 tháng 09 năm 1990 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở hiện tại: thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH MTV G1; con ông: Hoàng C1; sinh năm: 1963 và bà: Hoàng Thị Tuyết L3; sinh năm: 1963; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; vợ: Lê Thị D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 05/7/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

8. Họ tên: Trần Sỹ L4; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 11 tháng 01 năm 1983 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Phòng Nội vụ UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; đảng viên Đ10, sinh hoạt tại chi bộ Nội vụ thuộc Đảng bộ cơ quan chính quyền huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; con ông: Trần Văn B1; sinh năm 1953 và bà: Nguyễn Thị L1; sinh năm 1949; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Bùi Thị Hồng N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 12/12/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 đến nay tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

9. Họ tên: [Trần Đình M2](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 6 năm 1964 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Chủ tịch [UBND xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ [thôn Đ](#) thuộc Đảng bộ [xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Trần Đình K](#) (đã chết) và bà: [Phạm Thị K1](#) (đã chết); anh chị em ruột: có 09 người, bị cáo là con thứ bảy; vợ: [Trần Thị T5](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị khởi tố bị can ngày 12/12/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 đến nay tại [xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).
10. Họ tên: [Lê Duy T6](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 15 tháng 7 năm 1984 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [thôn V, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Chủ tịch [hội nông dân xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ [thôn V](#) thuộc Đảng bộ [xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông: [Lê Văn T7](#) (đã chết); con bà: [Trần Thị Kim T8](#); sinh năm: 1947; anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ sáu; vợ: [Trần Thị Ngọc T9](#) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 25/10/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện đang trú tại [thôn V, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).
11. Họ tên: [Nguyễn Xuân C2](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1967 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Chủ tịch [UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ [thôn T](#) thuộc Đảng bộ [xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); Hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt Ban chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Phó Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ 2020-2025; con ông: [Nguyễn Xuân Q1](#) (Đã chết) và bà: [Phan Thị N1](#) (Đã chết); anh chị em ruột: có 08 người, bị cáo là con thứ ba; vợ: [Nguyễn Thị T10](#) và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/10/2023 đến nay tại [xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).
12. Họ tên: [Nguyễn Đình S1](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ phụ trách thú y [UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ tổ dân phố 2 thuộc Đảng bộ [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Nguyễn Đình Đ](#); sinh năm 1949 và bà: [Phan Thị C3](#); sinh năm: 1954; anh chị em ruột: có 04 người, bị can là con thứ tư; vợ: [Nguyễn Thị M3](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 12/12/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 đến nay tại [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).
13. Họ tên: [Phan Công L5](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 12 tháng 01 năm 1975 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Chủ tịch [UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ [tổ dân phố P](#) thuộc Đảng bộ [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt Ban chấp hành Đảng bộ thị trấn Nghèn nhiệm kỳ 2020-2025; con ông: [Phan Hữu L6](#); sinh năm 1940 và bà: [Nguyễn Thị H3](#) (đã chết); anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ tư; vợ: [Ngô Thị H4](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 05/7/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay tại [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).
14. Họ tên: [Bùi Viết H5](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1979 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#);

quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Chủ tịch [UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại [chi bộ tổ dân phố D6](#) thuộc Đảng bộ [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Bùi Văn Đ1](#) (Đã chết) và bà: [Nguyễn Thị H3](#); anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai; vợ: [Phan Thị Thanh N2](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 12/12/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 đến nay tại [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

15. Họ tên: [Nguyễn Thị H6](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 13 tháng 4 năm 1984 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [Tổ dân phố K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ phụ trách nông nghiệp [xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ tổ dân phố K130 thuộc Đảng bộ [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Nguyễn Đình C4](#); sinh năm: 1954 và bà: [Nguyễn Thị L7](#) (Đã chết); anh chị em ruột: có 04 người, bị can là con thứ hai; chồng: [Nguyễn Thanh T11](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 05/7/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay tại [thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

16. Họ tên: [Nguyễn Bá T12](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 09 tháng 9 năm 1978 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [Tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ [tổ dân phố N](#) thuộc Đảng bộ [thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt [Ban chấp hành Đảng bộ thị trấn Đ](#) nhiệm kỳ 2020 – 2025; con ông: [Nguyễn Bá Đ2](#) (đã chết) và bà: [Hà Thị Đ3](#) (đã chết); anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ tư; vợ: [Nguyễn Thị Đ4](#) và 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 05/7/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay tại [thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

17. Họ tên: [Nguyễn Đình T13](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 08 tháng 8 năm 1975 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [Tổ dân phố K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy [thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại [chi bộ tổ dân phố K4](#) thuộc Đảng bộ [thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt [Ban chấp hành Đảng bộ thị trấn Đ](#) nhiệm kỳ 2020 – 2025; con ông: [Nguyễn Đình L8](#); sinh năm 1931 và bà: [Trần Thị T14](#); sinh năm 1932; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ tư; vợ: [Trần Thị C5](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 05/7/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay tại [thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

18. Họ tên: [Trần Đình V3](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 6 năm 1969 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Bí thư Đảng ủy [thị trấn Đ](#), Chủ tịch [HĐND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ [tổ dân phố T](#) thuộc Đảng bộ [thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Trần L9](#) (Đã chết) và bà: [Võ Thị T15](#) (Đã chết); anh chị em ruột: có 07 người, bị cáo là con thứ bảy; vợ: [Nguyễn Thị H7](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 05/7/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay tại [thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

19. Họ tên: [Từ Thị Lan H8](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 15 tháng 9 năm 1991 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp của [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi

bộ thôn Xóm Mới thuộc Đảng bộ [xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Từ Hữu N3](#); sinh năm 1962 và bà: [Nguyễn Thị T16](#); sinh năm 1968; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai; chồng: [Thái Doãn B2](#) và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/10/2023 đến nay tại [xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

20. Họ tên: [Trần Xuân H9](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1970 tại [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); nơi cư trú: [thôn V, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Phó Chánh thanh tra [UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ Thanh tra tư pháp thuộc Đảng bộ cơ quan chính quyền [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Trần Đình C6](#) (Đã chết) và bà: [Trần Thị C7](#); sinh năm: 1931; anh chị em ruột: có 09 người, bị can là con thứ bảy; vợ: [Phan Thị H10](#) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 23/10/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/10/2023 đến nay tại [xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

21. Họ tên: [Phùng Văn Q2](#); tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 8 năm 1955 tại [huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#); nơi cư trú: [khu phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Giám đốc [Công ty TNHH V10](#); đảng viên [Đ10](#), sinh hoạt tại chi bộ [khu phố C](#) thuộc Đảng bộ [thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Tĩnh](#); con ông: [Phùng Văn V4](#) (Đã chết) và bà: [Phạm Thị L10](#) (Đã chết); anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai; vợ: [Phạm Thị L10](#) (Đã chết) và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố bị can ngày 31/7/2024; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/7/2024 đến nay tại [thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. [Lê Quang H11](#); sinh năm 1986; địa chỉ: [Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
2. [Lê Thị M4](#), sinh năm 1979; địa chỉ: [Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
3. [Nguyễn Văn H12](#), sinh năm 1984; địa chỉ: [Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
4. [Nguyễn Quang P2](#), sinh năm 1967; địa chỉ: [Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. [Lê Thị Thu H13](#), sinh năm 1984; địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
6. [Lương Thị H14](#), sinh năm 1983; địa chỉ: [Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. [Hoàng Thị Ngọc Á](#), sinh năm 1993; địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
8. [Mai Khắc T17](#), sinh năm 1977; địa chỉ: [Thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
9. [Nguyễn Văn Đ5](#), sinh năm 1985; địa chỉ: [Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin vắng mặt.
10. [Bùi Thị Mỹ D1](#), sinh năm 1982; địa chỉ: [Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
11. [Phan Quốc Đ6](#), sinh năm 1978; địa chỉ: [K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
12. [Phan Thị T18](#), sinh năm 1956; địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt,
13. [Phan Văn L11](#), sinh năm 1981; địa chỉ: [Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. [Phạm Viết H15](#), sinh năm 1985; địa chỉ: [Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
15. [Nguyễn Đình V5](#), sinh năm 1985; địa chỉ: [K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
16. [Đặng Đình V6](#), sinh năm 1965; địa chỉ: [Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
17. [Thân Viết D2](#), sinh năm 1974; địa chỉ: [Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
18. [Đặng Văn Q3](#), sinh năm 1962; địa chỉ: [Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
19. [Nguyễn Trung K2](#), sinh năm 1979; địa chỉ: [Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.

20. [Nguyễn Sỹ H16](#), sinh năm 1964; địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
21. [Đường H](#), sinh năm 1980; địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt
22. [Nguyễn Huy T19](#), sinh năm 1989; địa chỉ: [Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
23. [Thân Thị L12](#), sinh năm 1988; địa chỉ: [TDP K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
24. [Nguyễn Anh S2](#), sinh năm 1972; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
25. [Thái Hữu H17](#), sinh năm 1974; địa chỉ: [Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
26. [Nguyễn Thị H18](#), sinh năm 1984; địa chỉ: [Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
27. [Nguyễn Minh H19](#), sinh năm 1974; địa chỉ: [Thôn Đ, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
28. [Nguyễn Sỹ C8](#), sinh năm 1982; địa chỉ: [Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt
29. [Nguyễn Sỹ N4](#), sinh năm 1969; địa chỉ: [Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
30. [Nguyễn Thị H20](#), sinh năm 1981; địa chỉ: [Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
31. [Võ Hồng B3](#), sinh năm 1966; địa chỉ: [Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
32. [Nguyễn Thị S3](#), sinh năm 1984; địa chỉ: [TDP V, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
33. [Đặng Thị H21](#), sinh năm 1983; địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
34. [Phan Thị Thúy L13](#), sinh năm 1983; địa chỉ: [TDP F, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
35. [Lương Thị Huyền T20](#), sinh năm 1990; địa chỉ: [TDP F, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
36. [Nguyễn Thị H22](#), sinh năm 1985; địa chỉ: [TDP D, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
37. [Lê Thiết H23](#), sinh năm 1964; địa chỉ: [TDP P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), vắng mặt.
38. [Nguyễn Trí Q4](#), sinh năm 1973; địa chỉ: [TDP H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
39. [Phan Thị Thu H24](#), sinh năm 1987; địa chỉ: [Số A, ngõ B, đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
40. [Trần Thị H25](#), sinh năm 1979; địa chỉ: [Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); có mặt.
41. [Trần Văn Q5](#), sinh năm 1965; địa chỉ: [Thôn N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
42. [Võ Thị Thanh H26](#), sinh năm 1988; địa chỉ: [TDP I, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
43. [Trần Thị Thúy H27](#), sinh năm 1987; địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
44. [Nguyễn Bá T21](#), sinh năm 1960; địa chỉ: [Thôn D, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
45. [Phan Thị H28](#), sinh năm 1979; địa chỉ: [xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
46. [Trần Huy D3](#), sinh năm 1964; địa chỉ: [Thôn P, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
47. [Trần Thanh P3](#), sinh năm 1985; địa chỉ: [TDP A, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
48. [Lê Hữu S4](#), sinh năm 1988; địa chỉ: [Phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An](#), có mặt.
49. [Nguyễn Thị Hồng V7](#), sinh năm 1983; địa chỉ: [TDP T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.
50. [Phan Đức H29](#), sinh năm 1984; địa chỉ: [TDP N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#); có mặt.
51. [Phùng Thị P4](#), sinh năm 1975; địa chỉ: [Khu phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#), vắng mặt.
52. [Vũ Thị T22](#), sinh năm 1982; địa chỉ: [Thôn H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.
53. [Đinh Văn T23](#), sinh năm 1968; địa chỉ: [Khu phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#); vắng mặt.
54. [Bùi Văn P5](#), sinh năm 1970; địa chỉ: [Tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.

55. [Lương Thị Phương A](#), sinh năm 1996; địa chỉ: [Phường T, tp H, tỉnh Hà Tĩnh](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.
56. [Lê Duy B4](#), sinh năm 1978; địa chỉ: [Số B, ngõ B, đường T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
57. [Phan Cao K3](#), sinh năm 1967; địa chỉ: [TDP I, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.
58. [Phan Thị H24](#), sinh năm 1983; địa chỉ: [TDP G, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
59. [Lê Thị Hoa Q6](#), sinh năm 1982; địa chỉ: [Tổ I, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
60. [Trần Trung P6](#), sinh năm 1973; địa chỉ: [TDP H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
61. [Trần Quang Đ7](#), sinh năm 1986; địa chỉ: [Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
62. [Bùi Đ8](#), sinh năm 1981; địa chỉ: [TDP C, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh](#); vắng mặt.
63. [Đặng Thị T24](#), sinh năm 1989; địa chỉ: [TDP D, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
64. [Dương Thị P7](#), sinh năm 1997; địa chỉ: [Thôn L, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#), vắng mặt.
65. [Trần Thị N5](#), sinh năm 1981; địa chỉ: [Xóm L, xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có mặt.
66. Đại diện Lãnh đạo [UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Nguyễn Hữu S5](#)- Phó chủ tịch, có mặt.
67. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Nguyễn Duy V8](#)- Chủ tịch, có mặt.
68. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Nguyễn Hữu T25](#)- Phó chủ tịch, có mặt.
69. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Trần Đình D4](#)- Phó chủ tịch, có mặt.
70. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Thân Văn V9](#)- Chủ tịch, có mặt.
71. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Nguyễn Thanh H30](#)- Phó chủ tịch, có mặt.
72. Đại diện Lãnh đạo [UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- bà [Hoàng Thị H31](#)- Phó chủ tịch, có mặt.
73. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- vắng mặt.
74. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Trần Văn N6](#) – Chủ tịch, có mặt.
75. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)- ông [Nguyễn Ngọc L14](#)- Chủ tịch, có mặt.
76. Đại diện Lãnh đạo [UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)-ông [Nguyễn Trung K2](#)- Phó chủ tịch, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại kỳ họp thứ 4, [Hội đồng nhân dân tỉnh H](#) khóa XVIII, cử tri và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phản ánh về giá lúa giống bán cho người dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cao hơn so với một số địa phương. Để làm rõ nội dung trên, Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) tiến hành điều tra, xác minh quá trình mua bán lúa giống trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có sử dụng ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019, sửa đổi bổ sung Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa (gọi tắt là Nghị định số 62).

Quá trình điều tra xác định: Từ năm 2020 đến vụ xuân năm 2023, quá trình triển khai chính sách hỗ trợ người dân áp dụng giống mới tiến bộ khoa học kỹ thuật, trước mỗi vụ sản xuất UBND các xã, thị trấn trên địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) tổng hợp nhu cầu đăng ký mua lúa giống của người dân trên địa bàn, sau đó liên hệ với các Công ty cung ứng để tiến hành mua lúa giống phục vụ nhu cầu sản xuất của địa phương. Bên cạnh thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 62, các địa phương trên địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) cũng triển khai thực

hiện phá vùng bờ thửa, tập trung, tích tụ ruộng đất và sản xuất tập trung, hình thành các ô thửa lớn trong sản xuất theo Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 20/8/2020 của [Huyện ủy C10](#), tỉnh Hà Tĩnh (gọi tắt là Nghị quyết số 01). Để khuyến khích người dân thực hiện chủ trương, [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) ưu tiên hỗ trợ ngân sách theo Nghị định số 62 cho người dân thực hiện sản xuất lúa tập trung với diện tích từ 5ha trở lên, quá trình thực hiện các địa phương trên địa bàn đã vận động người dân thực hiện và hỗ trợ 50% chi phí mua lúa giống. Trên cơ sở nhu cầu mua lúa giống của người dân, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, dự toán sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa hàng năm trình [UBND huyện C](#) thẩm định, phê duyệt, phân bổ, cấp kinh phí. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh thành lập các tổ kiểm tra tình hình thực tế tại địa phương để đánh giá việc sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62. Căn cứ tình hình sản xuất thực tế và hồ sơ đề nghị giải ngân của UBND các xã, thị trấn, [UBND huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh xem xét, quyết định cấp kinh phí hỗ trợ theo Nghị định số 62 cho UBND các xã, thị trấn trên địa bàn. Hằng năm, trên cơ sở đăng ký mua lúa giống của người dân tại địa phương, UBND các xã, thị trấn phân công cán bộ phụ trách nông nghiệp tiến hành tổng hợp đăng ký mua lúa giống và liên hệ, ký hợp đồng mua bán lúa giống với các Công ty cung ứng để mua lúa giống phục vụ sản xuất của người dân. Quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 và triển khai mua lúa giống để phục vụ sản xuất trong vụ xuân năm 2021 và vụ xuân năm 2022, các cá nhân tại một số UBND xã, thị trấn trên địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đặt vấn đề với các cá nhân tại [Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Ứ](#) (gọi tắt là [Trung tâm huyện Ứ](#)), Công ty cung ứng lúa giống để lập khống hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống và nâng khống khối lượng lúa giống so với khối lượng thực tế mua bán trong hợp đồng để giải ngân trái quy định nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, hành vi phạm tội của các bị can cụ thể như sau:

1. Tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh: Khoảng tháng 11/2021, quá trình thực hiện nhiệm vụ [Nguyễn Huy Đ9](#) (hiện nay đã chết) - Cán bộ phụ trách nông nghiệp [UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) nhận thấy nguồn ngân sách Nhà nước phân bổ cho [UBND xã K](#) Trường trong năm 2021 để hỗ trợ cho người dân trồng lúa theo Nghị định số 62 còn dư 82.494.000 đồng, nếu không có kế hoạch sử dụng thì [UBND huyện C](#) sẽ thu hồi, hoàn trả lại ngân sách Nhà nước. [Nguyễn Huy Đ9](#) báo cáo đề xuất [Phan Văn H2](#) - Phó Chủ tịch [UBND xã K](#) phụ trách chỉ đạo hoạt động nông nghiệp làm hồ sơ khống mua lúa giống nhằm giải ngân hết nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 còn dư để lấy nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của [UBND xã K](#). Sau đó, [Phan Văn H2](#) và [Nguyễn Huy Đ9](#) báo cáo [Nguyễn Quốc V](#) - Chủ tịch [UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) xin chủ trương lập khống hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống để giải ngân số tiền nói trên, [V](#) đồng ý, đồng thời giao cho [H2](#) và [Đại liên H32](#) với [Trung tâm huyện Ứ](#) để làm hồ sơ, thủ tục. [Nguyễn Huy Đại liên H32](#) đặt vấn đề với [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#) để [P](#) liên hệ với các Công ty cung ứng lập hồ sơ khống mua bán lúa giống nhằm giải ngân hết nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 của [UBND xã K](#) được phân bổ trong năm 2021 chưa sử dụng hết, [P](#) đồng ý. Sau đó, [Phan Xuân P](#) liên hệ đặt vấn đề với [Đặng Văn M](#) - Giám đốc [Công ty TNHH N8](#) (gọi tắt là [Công ty N8](#)) làm hồ sơ khống mua bán 2.631kg lúa giống Bắc Thịnh cho [xã K](#), giá trị 99.978.000 đồng để giải ngân số tiền 49.989.000 đồng ngân sách Nhà nước, đồng thời [Phan Xuân P](#) liên hệ đặt vấn đề với [Hoàng Anh T28](#) - Kế toán [Công ty TNHH MTV G1](#) (gọi tắt là [Công ty G1](#)) làm hồ sơ khống mua bán 1.970kg lúa giống BT09 cho [xã K](#), giá trị 65.010.000 đồng để giải ngân số tiền 32.505.000 đồng ngân sách Nhà nước, [Đặng Văn M](#) và [Hoàng Anh T28](#) đồng ý. [Phan Xuân P](#) giao cho [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) trực tiếp liên hệ với [Đặng Văn M](#) và [Hoàng Anh T28](#) để hoàn thiện hồ sơ khống mua bán lúa giống cho [UBND xã K](#). [Lê Thị H](#) trao đổi, thống nhất với [Đặng Văn M](#) lập 01 bộ hồ sơ khống mua bán lúa giống Bắc Thịnh, gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hoá đơn số 86 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng kinh tế số 36/HĐKT-KST ngày 09/11/2021 giữa [Công ty N8](#) và [UBND xã K](#) Trường mua bán 2.631kg lúa giống [B](#),

đơn giá 38.000 đồng/kg, giá trị 99.978.000 đồng, trong đó giá trị thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 49.989.000 đồng. Đồng thời, [Lê Thị H](#) trao đổi, thống nhất với [Hoàng Anh T28](#) lập 01 bộ hồ sơ không mua bán lúa giống BT09, gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hoá đơn số 416 ngày 15/12/2021 và Hợp đồng kinh tế số 47/HĐKT-KST ngày 10/12/2022 giữa [Công ty G1](#) và [UBND xã K](#) Trường mua bán 1.970kg lúa giống BT09, đơn giá 33.000 đồng/kg, giá trị 65.010.000 đồng, trong đó giá trị thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 32.505.000 đồng. Sau khi làm xong 02 bộ hồ sơ, hợp đồng không mua bán 2.631kg lúa giống Bắc Thịnh và 1.970kg lúa giống BT09 nêu trên, [Lê Thị H](#) chuyển lại cho [Nguyễn Huy Đ9](#) kiểm tra, trình [Nguyễn Quốc V](#) ký hoàn thiện và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp ngân sách theo Nghị định số 62. Ngày 10/01/2021, sau khi được [UBND huyện C](#) phê duyệt cấp nguồn ngân sách hỗ trợ mua lúa giống, [UBND xã K T27](#) chuyển số tiền 32.505.000 đồng vào số tài khoản 0201000582817 mở tại [Ngân hàng V11](#) của [Công ty G1](#) để thanh toán 50% giá trị hợp đồng không mua bán 1.970kg lúa giống BT09; ngày 17/01/2022 chuyển số tiền 49.989.000 đồng vào số tài khoản 1012715027 mở tại [ngân hàng V11](#) của [công ty N8](#) để thanh toán 50% giá trị hợp đồng không mua bán 2.631kg lúa giống [B](#). Sau đó, [Nguyễn Quốc V](#) liên hệ với [Phan Xuân P](#) đề nghị nhận lại tiền [UBND xã K T27](#) đã chuyển thanh toán cho 02 hợp đồng không, [P](#) trao đổi chi phí làm hồ sơ, hợp đồng và xuất hóa đơn không với số lượng lúa giống nói trên là 10% giá trị khối lượng trên hợp đồng, hóa đơn không và bảo [Nguyễn Quốc V](#) liên hệ với [Lê Thị H](#) để tính toán nhận số tiền còn lại. Ngày 25/01/2022, [Nguyễn Quốc V](#) đến [Trung tâm huyện Ứ](#) cùng với [Lê Thị H](#) tính toán công nợ, đối trừ chi phí 10% trên giá trị hợp đồng theo thỏa thuận, trong đó: Hợp đồng không mua bán 2.631kg lúa giống [B](#) sau khi trừ 10% chi phí xuất hoá đơn không theo thỏa thuận, [UBND xã K T27](#) nhận lại số tiền 39.991.200 đồng; Hợp đồng không mua bán 1.970kg lúa giống BT09 sau khi trừ 10% chi phí xuất hoá đơn không theo thỏa thuận, [UBND xã K T27](#) nhận lại số tiền 26.004.000 đồng. Tổng cộng [UBND xã K T27](#) nhận lại của 02 hợp đồng không số tiền là 65.995.200 đồng. [Nguyễn Quốc V](#) nhận lại số tiền trên bằng tiền mặt và nhập vào quỹ chi tiêu của [UBND xã K](#) để sử dụng, tuy nhiên đến thời điểm bị phát hiện [UBND xã K](#) chưa sử dụng số tiền này.

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập không hồ sơ, hợp đồng mua bán 2.631kg lúa giống Bắc Thịnh và 1.970kg lúa giống BT09 của [Nguyễn Huy Đ9](#) và các bị can [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **82.494.000** đồng; Hành vi của bị can [Đặng Văn M](#) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **49.989.000** đồng; Hành vi của bị can [Hoàng Anh T28](#) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **32.505.000** đồng.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, kết quả điều tra còn xác định: Vào khoảng cuối năm 2020, [Nguyễn Huy Đại liên H32](#) với [Trung tâm huyện Ứ](#) đăng ký mua 1.664kg lúa giống Hà Phát 3 cho [UBND xã K](#) Trường để phục vụ sản xuất vụ xuân năm 2021. Sau đó, do nhu cầu người dân thay đổi nên [Nguyễn Huy Đ9](#) báo lại Trung tâm [huyện C](#) chỉ đăng ký mua 724kg lúa giống [H](#), còn 940kg lúa giống [H](#) đã đăng ký sẽ đổi qua mua 1.040kg lúa giống Nếp 98 (được hỗ trợ 50% chi phí mua giống). Quá trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục mua bán, [Nguyễn Huy Đ9](#) và [Lê Thị H](#) nhận thấy 940kg lúa giống [H](#) 3 không mua có giá 32.900.000 đồng và số lượng 1.040kg lúa giống Nếp 98 có giá 29.120.000 đồng đăng ký mua bổ sung có giá gần tương đương nhau nên [H](#) và [Đ9](#) đã thống nhất sử dụng phần giá trị ngân sách thanh toán 940kg tăng thêm của hợp đồng mua bán lúa giống [H](#) 3 để thanh toán một phần giá trị 1.040kg lúa giống Nếp 98 mà không tiến hành điều chỉnh hợp đồng mua bán lúa giống [H](#) 3 đúng thực tế 724kg, cũng như không tiến hành làm hợp đồng mua bán 1.040kg lúa giống Nếp 98 để làm thủ tục giải ngân ngân sách hỗ trợ để thanh toán. [Nguyễn Huy Đ9](#) báo cáo với [Phan Văn H2](#) và [Nguyễn Quốc V](#), còn [Lê Thị H](#) báo cáo với [Phan Xuân P](#) để xin chủ trương thực hiện theo phương án mà [Đ9](#) và [H](#) đã bàn bạc, thống nhất. Sau khi [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#) và [Phan Xuân P](#) đồng ý, [Nguyễn Huy Đ9](#) cùng với [Lê Thị H](#) tiến hành làm hồ sơ, Hợp đồng số 04/01/2021/HĐKT-KST

mua bán 1.664kg lúa giống H 3 giữa Công ty TNHH G1 với UBND xã K. Sau khi nhận 1.664kg giống H từ Công ty G1, Trung tâm huyện Ứ sử dụng 940kg lúa giống Hà Phát 3 trên thực tế U không mua để cấp cho các địa phương khác trên địa bàn huyện C có đặt mua mà không làm hồ sơ, hợp đồng, xuất hoá đơn. Còn 1.040kg lúa giống nếp 98 mà UBND xã K đã đăng ký đặt mua, Trung tâm huyện Ứ đã liên hệ với Công ty G1 đặt mua cho UBND xã K T27 nhưng không làm hồ sơ, hợp đồng và xuất hóa đơn mua bán. Hành vi nêu trên của Nguyễn Huy Đ9 và các bị can Nguyễn Quốc V, Phan Văn H2, Phan Xuân P, Lê Thị H dẫn đến nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 được giải ngân để thanh toán tăng thêm so với nhu cầu thực tế của UBND xã K, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **1.890.000** đồng.

2. Tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh: Vào khoảng cuối năm 2021, quá trình thực hiện nhiệm vụ Trần Đình L15 (hiện nay đã chết) - Cán bộ phụ trách nông nghiệp của UBND xã M nhận thấy nguồn ngân sách Nhà nước phân bổ theo Nghị định số 62 của UBND xã M trong năm 2021 còn dư số tiền 31.692.000 đồng, nếu không có kế hoạch sử dụng UBND huyện C sẽ thu hồi, hoàn trả lại ngân sách Nhà nước. Do không có nguồn kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 01 và UBND xã M đang nợ 50.000.000 đồng chi phí mua ống cống, Trần Đình L15 báo cáo, đề xuất Trần Đình M2 - Phó chủ tịch UBND xã M phụ trách chỉ đạo hoạt động nông nghiệp làm hồ sơ không mua lúa giống nhằm giải ngân hết số tiền 31.692.000 đồng nguồn ngân sách được hỗ trợ theo Nghị định số 62 chưa sử dụng hết, M2 đồng ý. Sau đó, Trần Đình M2 và Trần Đình L15 báo cáo Trần Sỹ L4 - Chủ tịch UBND xã M, L4 đồng ý việc lập không hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống để giải ngân số tiền 31.692.000 đồng trong nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Đồng thời, Trần Sỹ L4 trực tiếp liên hệ đặt vấn đề với Phan Xuân P nhờ Trung tâm huyện Ứ hỗ trợ UBND xã M làm hồ sơ không mua bán lúa giống để giải ngân nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62, P đồng ý. Trần Sỹ L4 giao cho Trần Đình L15 liên hệ với Lê Thị H để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, hợp đồng không. Quá trình liên hệ với Lê Thị H để làm hồ sơ, hợp đồng không mua bán lúa giống, Trần Đình L15 được Lê Thị H trao đổi về chi phí xuất hoá đơn không là 10% giá trị trên hợp đồng không, L15 báo cáo lại với M2 và L4 nội dung trên và cùng thống nhất thực hiện. Lê Thị H tổng hợp số lượng lúa giống Bắc Thịnh của từng địa phương trên địa bàn huyện C muốn lập không, nâng không khối lượng mua bán, trong đó có UBND xã M và báo cáo Phan Xuân P. Sau đó, Phan Xuân P liên hệ với Đặng Văn M - Giám đốc Công ty N8 đặt vấn đề lập hồ sơ, hợp đồng, xuất hóa đơn không khối lượng 1.668kg lúa giống Bắc Thịnh cho UBND xã M và khối lượng xuất không, nâng không của các đơn vị địa phương khác, M đồng ý; Phan Xuân P chỉ đạo Lê Thị H liên hệ với Đặng Văn M để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, hợp đồng không mua bán lúa giống Bắc Thịnh cho UBND xã M và một số địa phương trên địa bàn huyện C. Sau đó, Lê Thị H chuyển lại cho Trần Đình L15 bộ hồ sơ lập không gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hoá đơn số 82 ngày 19/11/2021 và Hợp đồng kinh tế số 56/HĐKT ngày 05/11/2021 giữa Công ty N8 và UBND xã M mua bán 1.668kg giống B, đơn giá 38.000 đồng/kg, giá trị 63.384.000 đồng, trong đó giá trị thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 31.692.000 đồng. Sau khi nhận được bộ hồ sơ, hợp đồng không mua bán lúa giống, Trần Đình L15 chuẩn bị các thủ tục trình Trần Đình M2 và Trần Sỹ L4 ký hoàn thiện hồ sơ không và gửi UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị xem xét, duyệt cấp số tiền 31.692.000 đồng từ nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Sau khi UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt cấp ngân sách, ngày 20/01/2022 UBND xã M chuyển số tiền 31.692.000 đồng vào số tài khoản 1012715027 mở tại Ngân hàng V11 của Công ty N8. Ngày 27/01/2022, Trần Đình L15 đến Trung tâm huyện Ứ cùng với Lê Thị H tính toán công nợ và đối trừ chi phí xuất hoá đơn không 10% giá trị trên hợp đồng không theo thỏa thuận, sau khi tính toán UBND xã M nhận lại số tiền 25.535.600 đồng. Trần Đình L15 viết giấy đề nghị thanh toán và yêu cầu Lê Thị H chuyển số tiền 25.535.600 đồng vào tài khoản số 1017533626 mở tại Ngân hàng V11 mang tên Trần Thị H25 - Thủ quỹ UBND xã M theo chỉ đạo của Trần Sỹ L4. Số tiền này sau khi nhập quỹ của

[UBND xã M](#), [Trần Sỹ L4](#) chỉ đạo thủ quỹ xuất cho [Trần Đình M2](#) để sử dụng thanh toán tiền mua ống cống cho ông [Trần Văn Q5](#) (sinh năm 1965, trú tại [thôn N, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)).

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập khống hồ sơ, hợp đồng mua bán 1.668kg lúa giống Bắc Thịnh của các bị can [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) và [Đặng Văn M](#), gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **31.692.000** đồng.

3. Tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh: Vào khoảng tháng 12/2021, để triển khai sản xuất lúa vụ xuân năm 2022, [Lê Duy T6](#) - Cán bộ phụ trách nông nghiệp của [UBND xã P](#) tiến hành tổng hợp số lượng lúa giống các hộ dân đăng ký mua đủ điều kiện hỗ trợ 50% chi phí mua lúa giống từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62, đồng thời liên hệ với [Trung tâm huyện Ứ](#) đặt mua 703kg lúa giống LP5 cho [UBND xã P](#) theo số lượng đăng ký của người dân, với tổng giá trị thanh toán là 26.011.000 đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 13.005.500 đồng, người dân đóng nộp 13.005.500 đồng. [Lê Duy T6](#) thu tiền từ người dân đăng ký mua giống tương ứng với 50% giá trị lúa giống và nộp cho [Trung tâm huyện Ứ](#) số tiền 12.626.500 đồng. Khoảng tháng 01/2022, thông qua Trung tâm [huyện C](#), [Lê Duy T6](#) nhận 703kg lúa giống LP5 về giao cho người dân phục vụ sản xuất. Lúc này, nhận thấy [UBND xã P](#) không sử dụng hết nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 được phân bổ trong năm 2022, [Lê Duy T6](#) báo cáo [Nguyễn Xuân C2](#) - Chủ tịch [UBND xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) và đề xuất làm hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống với số lượng 2.400kg lúa giống LP5, trong đó nâng không 1.697kg so với nhu cầu thực tế nhằm giải ngân thêm số tiền 31.394.500 đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62, [C2](#) đồng ý. [Lê Duy T6](#) liên hệ đặt vấn đề với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) làm hồ sơ, hợp đồng nâng không khối lượng mua bán lúa giống LP5 cho [UBND xã P](#) với số lượng 2.400kg, tăng thêm so với thực tế mua bán 1.697kg. Sau khi [Lê Duy T6](#) đặt vấn đề, [Lê Thị H](#) báo cáo, xin ý kiến của [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#), [P](#) đồng ý và chỉ đạo [H](#) liên hệ với [Công ty TNHH G1](#) (gọi tắt là [Công ty G1](#)) để [UBND xã P](#) thực hiện việc lập hồ sơ, nâng không khối lượng lúa giống LP5. [Lê Thị H](#) liên hệ đặt vấn đề với [Hoàng Đình T3](#) - Giám đốc [Công ty G1](#) đề xuất hóa đơn không tăng thêm 1.697kg lúa giống LP5 so với thực tế mua bán cho [UBND xã P](#), [T3](#) đồng ý. Sau đó, [Lê Thị H](#) trao đổi và thống nhất với [Lê Duy T6](#) chi phí đề xuất không hoá đơn khối lượng mua bán 1.697kg là 10% giá trị theo khối lượng nâng không. [Lê Duy T6](#) đặt vấn đề để [H](#) làm hợp đồng, hồ sơ thủ tục cho [UBND xã P](#) với số lượng lúa giống mua bán, giao nhận trên hồ sơ là 2.400kg, giá trị 88.800.000 đồng. Đồng thời, [Lê Duy T6](#) lập khống danh sách đăng ký mua lúa giống, trong đó điều chỉnh tăng khối lượng lúa giống người dân đăng ký mua từ 703kg lên 2.400kg. Sau khi [Lê Thị H](#) chuẩn bị xong hồ sơ và Hợp đồng kinh tế số 02/2022/HĐKT ngày 03/01/2022 giữa [Công ty G1](#) với [UBND xã P](#) mua bán 2.400kg lúa giống LP5 (nâng không 1.697kg so với thực tế), giá trị 88.800.000 đồng, trong đó sử dụng 50% ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 để thanh toán là 44.400.000 đồng, [H](#) chuyển lại cho [Lê Duy T6](#) kiểm tra, thống nhất nội dung. Sau đó, [Lê Thị H](#) liên hệ với [Hoàng Đình T3](#) ký hồ sơ, hợp đồng nâng không và xuất hóa đơn số 0000013 ngày 22/02/2022 với số lượng 2.400kg lúa giống LP5 cho [UBND xã P](#) và chuyển cho [Lê Duy T6](#). Sau khi nhận được hồ sơ, hợp đồng, hóa đơn, [Lê Duy T6](#) trình [Nguyễn Xuân C2](#) ký hoàn thiện và gửi [UBND huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh đề nghị xem xét, duyệt cấp số tiền 44.400.000 đồng từ nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Sau khi được [UBND huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt cấp ngân sách, [Lê Duy T6](#) chuyển hồ sơ cho Kế toán [UBND xã P](#) thực hiện giải ngân thanh toán 50% giá trị trên hợp đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước bằng hình thức chuyển khoản số tiền 44.400.000 đồng vào tài khoản số 3712201002774 mở tại [ngân hàng A2](#) của [Công ty G1](#). Khoảng tháng 8/2022, [Lê Duy T6](#) liên hệ với [Lê Thị H](#) nhờ lấy lại số tiền thanh toán thừa do nâng không khối lượng mua bán 1.697kg lúa giống LP5 cho [UBND xã P](#). Đối với số tiền [UBND xã P](#) đã thanh toán, Trung tâm [huyện C](#) tính vào tổng giá trị thanh toán cho số lượng 8.573kg lúa giống LP5 mà [Trung tâm](#)

[huyện Ứ](#) mua của [Công ty G1](#) cho các [xã T, V, T và M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#). Đến khoảng tháng 10/2022, sau khi tính toán công nợ với [Công ty G1](#) bao gồm giá trị thanh toán và số tiền cá nhân [Hoàng Đình T3](#) hỗ trợ cho [Trung tâm huyện Ứ](#) theo số lượng lúa giống đã mua, [Hoàng Đình T3](#) đã chuyển khoản thanh toán số tiền công nợ 26.079.000 đồng còn lại vào tài khoản số 52010000368391 mở tại [ngân hàng B5](#) của [Đặng Thị H21](#) - Thủ quỹ [Trung tâm huyện Ứ](#) theo yêu cầu của [H](#) để tắt toán công nợ. Sau khi [Lê Thị H](#) và [Lê Duy T6](#) tính toán, đối chiếu công nợ, [UBND xã P](#) nhận lại số tiền 22.544.600 đồng, trong đó có số tiền 2.109.000 đồng chiết khấu cho 703kg lúa giống LP5 và 20.435.600 đồng (tiền nâng không 1.697kg lúa giống LP5 là 31.394.500 đồng trừ đi tiền nợ mua giống còn nộp thiếu, tiền thuê máy cấy, chi phí xuất hoá đơn không tương ứng 10% giá trị khối lượng đã nâng không), [Lê Duy T6](#) đến [Trung tâm huyện Ứ](#) ký giấy xác nhận. [Lê Thị H](#) báo cáo [Phan Xuân P](#) để chuyển trả lại tiền cho [UBND xã P](#). Ngày 07/10/2022, Trung tâm [huyện C](#) chuyển số tiền 22.544.600 đồng cho [UBND xã P](#) từ tài khoản ngân hàng số 3710201002078 của [Trung tâm huyện Ứ](#) mở tại [ngân hàng A2](#) vào tài khoản số 3710222567999 của [Lê Duy T6](#) mở tại [Ngân hàng A2](#). Ngày 18/10/2022, sau khi nhận được tiền, [Lê Duy T6](#) báo cáo, đề xuất và được [Nguyễn Xuân C2](#) đồng ý nhập quỹ của [UBND xã P](#) số tiền 22.544.500 đồng. Ngày 24/10/2022, [UBND xã P](#) xuất số tiền này cho [Lê Duy T6](#) để chi trả cho ông [Võ Hồng B3](#) (sinh năm 1966, trú tại [thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)) thanh toán tiền mua ống cống đặt trên các trục đường nội đồng của [xã P](#).
Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập khống hồ sơ, hợp đồng nâng không 1.697kg lúa giống LP5 so với khối lượng thực tế mua bán của các bị can [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) và [Hoàng Đình T3](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **31.394.500** đồng.

4. Tại [UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#): Vào khoảng tháng 11/2021, thông qua [Nguyễn Thi S3](#) (sinh năm 1984, trú tại [tổ dân phố V, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)) - Cán bộ Trung tâm [huyện C](#), [Nguyễn Đình S1](#) - Trưởng Ban chăn nuôi thú ý của [UBND thị trấn N](#) được phân công thêm nhiệm vụ thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Nghị định số 62 biết được năm 2021 UBND thị trấn Nghèn còn dư số tiền 27.569.000 đồng nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62, nếu không có kế hoạch sử dụng [UBND huyện C](#) sẽ thu hồi, hoàn trả lại ngân sách Nhà nước. [Nguyễn Đình S1](#) báo cáo xin ý kiến [Phan Công L5](#) - Phó Chủ tịch [UBND thị trấn N](#) phụ trách chỉ đạo hoạt động nông nghiệp để tính toán xử lý nguồn ngân sách còn dư nói trên. Ngày 13/12/2021, [UBND thị trấn N](#) tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 01 tại địa phương do [Bùi Viết H5](#) - Chủ tịch [UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) chủ trì. Tại cuộc họp, [Phan Công L5](#) báo cáo về kinh phí thực hiện Nghị quyết số 01 khó khăn, trong khi đó ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 của địa phương được phân bổ trong năm 2021 còn khoảng 27.000.000 đồng chưa sử dụng hết. [Bùi Viết H5](#) chỉ đạo, giao [Phan Công L5](#) và [Nguyễn Đình S1](#) phối hợp với Kế toán UBND thị trấn Nghèn để tính toán kinh phí thực hiện. Khoảng giữa tháng 12/2021, [Nguyễn Đình S1](#) báo cáo đề xuất [Phan Công L5](#) làm hồ sơ khống mua lúa giống thực hiện sản xuất vụ xuân 2022 nhằm giải ngân hết số tiền 27.569.000 đồng, [Phan Công L5](#) đồng ý và giao cho Sáng liên hệ với [Trung tâm huyện Ứ](#) để làm hồ sơ, hợp đồng. [Nguyễn Đình S1](#) liên hệ đặt vấn đề với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) nhờ liên hệ với Công ty cung ứng lúa giống lập khống hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống để UBND thị trấn Nghèn giải ngân hết số tiền 27.569.000 đồng còn dư, [H](#) đồng ý và thống nhất chi phí xuất hoá đơn không là 10% giá trị hợp đồng khống. Sau đó, [Lê Thị H](#) tổng hợp số lượng lúa giống Bắc Thịnh của từng địa phương trên địa bàn [huyện C](#) muốn lập khống, nâng khống khối lượng mua bán, trong đó có [UBND thị trấn N](#) và báo cáo [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#). [Phan Xuân P](#) liên hệ đặt vấn đề với [Đặng Văn M](#) - Giám đốc [Công ty N8](#) lập khống hồ sơ, hợp đồng, xuất hóa đơn khống khối lượng mua bán lúa giống cho [UBND thị trấn N](#) và một số đơn vị khác trên địa bàn, trong đó xuất hóa đơn

không cho [UBND thị trấn N](#) với khối lượng 1.451kg lúa giống [B](#), [Đặng Văn M](#) đồng ý. [Phan Xuân P](#) chỉ đạo [Lê Thị H](#) liên hệ với [Đặng Văn M](#) để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, hợp đồng không mua bán lúa giống Bắc Thịnh cho [UBND thị trấn N](#) và một số địa phương trên địa bàn [huyện C](#). Sau khi chuẩn bị xong hồ sơ, [Lê Thị H](#) chuyển cho [Nguyễn Đình S1](#) bộ hồ sơ lập không gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hóa đơn số 84 ngày 22/11/2021; Hợp đồng kinh tế số 38/HĐKT, ngày 08/11/2021 giữa [Công ty N8](#) và [UBND thị trấn N](#) mua bán 1.451kg giống Bắc Thịnh, đơn giá 38.000 đồng/kg, giá trị 55.138.000 đồng, trong đó giá trị thanh toán 50% từ nguồn Ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 27.569.000 đồng. Sau khi nhận được hồ sơ, hợp đồng không, [Nguyễn Đình Sáng L16](#) không danh sách người dân đăng ký mua lúa giống tại [tổ dân phố P và tổ dân phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) với khối lượng 1.451kg giống [B](#) để [Phan Công L5](#) ký xác nhận, trình hồ sơ không để [Bùi Viết H5](#) ký hoàn thiện và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp số tiền 27.569.000 đồng từ nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Ngày 21/01/2022, sau khi được [UBND huyện C](#) phê duyệt cấp ngân sách, [Nguyễn Đình S1](#) chuyển hồ sơ cho Kế toán [UBND thị trấn N](#) thực hiện giải ngân, chuyển số tiền 27.569.000 đồng vào tài khoản số 1012715027 mở tại [ngân hàng V11](#) của [Công ty N8](#). Sau đó, [Nguyễn Đình S1](#) liên hệ nhờ [Lê Thị H](#) lấy lại số tiền 27.569.000 đồng đã chuyển cho [Công ty N8](#). Ngày 25/01/2022, [Nguyễn Đình S1](#) đến [Trung tâm huyện Ứ](#) cùng với [Lê Thị H](#) tính toán, đối trừ 10% chi phí xuất hoá đơn không theo thỏa thuận. Sau khi tính toán UBND thị trấn Nghèn nhận lại số tiền 22.055.200 đồng. [Nguyễn Đình S1](#) viết giấy đề nghị thanh toán và nhận lại số tiền 22.055.200 đồng bằng tiền mặt. [Bùi Viết H5](#) chỉ đạo [Nguyễn Đình S1](#) nhập quỹ UBND thị trấn Nghèn số tiền trên để phục vụ chi cho các hoạt động chung của địa phương. Ngày 27/01/2022, [Bùi Viết H5](#) yêu cầu xuất quỹ số tiền này để chi số tiền 21.785.000 đồng thanh toán chi phí phục vụ hoạt động tham gia cuộc thi “OCOP là gì” của [UBND thị trấn N](#) và chi số tiền 365.000 đồng cho [Nguyễn Đình S1](#) mua vật tư phục vụ tiêu hủy gia súc, gia cầm.

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập không hồ sơ, hợp đồng mua bán 1.451kg lúa giống Bắc Thịnh của các bị can [Nguyễn Đình S1](#), [Bùi Viết H5](#), [Phan Công L5](#), [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) và [Đặng Văn M](#), gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **27.569.000** đồng.

5. Tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh: Vào khoảng tháng 11/2021, [Tùng Thị Lan H8](#) - Kế toán Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp của [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) được phân công triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Nghị định số 62, quá trình thực hiện nhiệm vụ [Tùng Thị Lan H8](#) nhận thấy nguồn ngân sách Nhà nước phân bổ cho [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) trong năm 2021 để hỗ trợ cho người dân trồng lúa theo Nghị định số 62 còn dư 13.680.000 đồng, nếu không có kế hoạch sử dụng [UBND huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh sẽ thu hồi, hoàn trả lại ngân sách Nhà nước. [Tùng Thị Lan H8](#) báo cáo, đề xuất [Trần Xuân H9](#) - Chủ tịch [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) làm hồ sơ không mua lúa giống nhằm giải ngân hết số tiền 13.680.000 đồng nguồn ngân sách được hỗ trợ theo Nghị định số 62 để lấy nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của Hợp tác xã sản xuất dịch vụ nông nghiệp của [xã X, H9](#) đồng ý và giao cho [H8](#) liên hệ với [Trung tâm huyện Ứ](#) để làm hồ sơ, thủ tục, hợp đồng. [Tùng Thị Lan H8](#) liên hệ đặt vấn đề với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) làm hồ sơ, hợp đồng không mua bán 720kg lúa giống [B](#) để giải ngân hết số tiền 13.680.000 đồng nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 của [UBND xã X](#) chưa sử dụng hết trong năm 2021, [H](#) đồng ý và thống nhất với [H8](#) về chi phí xuất hoá đơn không là 10% giá trị hợp đồng không. Sau đó, [Lê Thị H](#) tổng hợp số lượng lúa giống Bắc Thịnh của từng địa phương trên địa bàn [huyện C](#) muốn lập không, nâng không khối lượng mua bán, trong đó có [UBND xã X](#) và báo cáo [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#). [Phan Xuân P](#) liên hệ với [Đặng Văn M](#) - Giám đốc [Công ty N8](#) đặt vấn đề lập hồ sơ, hợp đồng, xuất hóa đơn không khối lượng 720kg lúa giống Bắc Thịnh cho [UBND xã X](#) và khối lượng xuất không, nâng không của các địa phương khác, [M](#) đồng ý. Sau đó, [Phan Xuân P](#)

chỉ đạo [Lê Thị H](#) liên hệ với [Đặng Văn M](#) chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, hợp đồng không mua bán lúa giống Bắc Thịnh cho [UBND xã X](#) và một số địa phương trên địa bàn [huyện C](#). Sau khi chuẩn bị xong hồ sơ, [Lê Thị H](#) chuyển lại cho [Từ Thị Lan H8](#) bộ hồ sơ lập không, gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hoá đơn số 81 ngày 19/11/2021 và Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT ngày 05/11/2021 giữa [Công ty N8](#) và [UBND xã X](#) mua bán 720kg giống [B](#), đơn giá 38.000 đồng/kg, giá trị 27.360.000 đồng, trong đó giá trị thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 13.680.000 đồng. Sau khi nhận được hồ sơ, hợp đồng không, [Từ Thị Lan H8](#) chuẩn bị các thủ tục trình hồ sơ không mua bán lúa giống đề [Trần Xuân H9](#) ký hoàn thiện và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp số tiền 13.680.000 đồng từ nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Sau khi [UBND huyện C](#) phê duyệt cấp ngân sách, [Từ Thị Lan H8](#) chuyển hồ sơ cho Kế toán [UBND xã X](#) để thực hiện giải ngân. Ngày 12/01/2022, [UBND xã X](#) chuyển số tiền 13.680.000 đồng vào tài số khoản 1012715027 mở tại [Ngân hàng V11](#) của [Công ty N8](#). Ngày 24/01/2022, [Từ Thị Lan H8](#) đến [Trung tâm huyện Ứ](#) cùng với [Lê Thị H](#) tính toán, đối trừ chi phí xuất hoá đơn không 10% trên giá trị hợp đồng không theo thỏa thuận. Sau khi tính toán, [Từ Thị Lan H8](#) viết giấy đề nghị thanh toán và nhận số tiền 10.944.000 đồng bằng tiền mặt cho [UBND xã X](#). Sau đó, [Từ Thị Lan H8](#) báo cáo [Trần Xuân H9](#) và nhập số tiền trên vào quỹ của [Hợp tác xã sản xuất dịch vụ nông nghiệp xã X](#). Đến tháng 5/2022, [Từ Thị Lan H8](#) thanh toán cho ông [Nguyễn Bá T21](#) (sinh năm 1960, trú tại [thôn D, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#)) - Trưởng thôn Dư Nại, [xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) số tiền 10.944.000 đồng hỗ trợ tiền thuê máy cày cho [thôn D, xã X](#).

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập không hồ sơ, hợp đồng mua bán 720kg lúa giống Bắc Thịnh của các bị can [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **13.680.000** đồng.

6. Tại [UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#): Trong vụ xuân năm 2021 và vụ xuân năm 2022, [Nguyễn Thị H6](#) - Công chức phụ trách nông nghiệp của [UBND thị trấn Đ](#) nhận thấy nhu cầu đăng ký mua lúa giống của người dân để sản xuất chưa sử dụng hết nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 phân bổ cho [UBND thị trấn Đ](#), trong khi kinh phí thực hiện Nghị quyết số 01 tại địa phương còn khó khăn, chưa có nguồn để thanh toán, [Nguyễn Thị H6](#) báo cáo đề xuất cấp uỷ địa phương và thông qua [Trung tâm huyện Ứ](#) lập không 02 hợp đồng nâng không khối lượng mua bán lúa giống, cụ thể như sau:

Trong vụ xuân năm 2021: Khoảng tháng 01/2021, sau khi tổng hợp nhu cầu của người dân đăng ký mua lúa giống, [Nguyễn Thị H6](#) thông qua Trung tâm [huyện C](#) đặt mua 2.210kg lúa giống DQ11 được hưởng chính sách ưu đãi theo Nghị định số 62, với giá trị 77.350.000 đồng, trong đó 50% ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 38.675.000 đồng. Trung tâm [huyện C](#) liên hệ với [Phùng Văn Q2](#) - Giám đốc [Công ty TNHH V10](#) (gọi tắt là [Công ty V10](#)) xuất hoá đơn, cung ứng 2.210kg lúa giống DQ11 cho [UBND thị trấn Đ](#). Tuy nhiên, để giải ngân thêm nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62, vận dụng kinh phí thực hiện Nghị quyết số 01, [Nguyễn Thị H6](#) báo cáo đề xuất với [Nguyễn Bá T12](#) - Chủ tịch [UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) làm hồ sơ, hợp đồng nâng không thêm khối lượng mua bán so với thực tế nhu cầu đăng ký của người dân. Để có sự thống nhất thực hiện trong cấp uỷ địa phương, [Nguyễn Bá T12](#) trao đổi, bàn bạc với [Trần Đình V3](#) - Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch [HĐND thị trấn Đ](#) và [Nguyễn Đình T13](#) - Phó Bí thư thường trực Đảng uỷ [thị trấn Đ](#) thì [V3](#) và [T13](#) đều thống nhất chủ trương làm hồ sơ, hợp đồng nâng không thêm khối lượng mua bán lúa giống DQ11 để vận dụng kinh phí thực hiện Nghị quyết số 01. Sau đó, [Nguyễn Bá T12](#) chỉ đạo [Nguyễn Thị H6](#) triển khai thực hiện xây dựng hồ sơ, thủ tục, hợp đồng nâng không khối lượng mua bán lúa giống. Vào khoảng cuối tháng 01/2021, [Nguyễn Thị H6](#) liên hệ đặt vấn đề với [Phùng Văn Q2](#) nhờ xuất không tăng thêm 670kg lúa giống DQ11 cho [UBND thị trấn Đ](#) để [UBND thị trấn Đ](#) giải ngân thêm ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62, [Q2](#) đồng ý. Khoảng tháng 3/2021, [Nguyễn Thị H6](#) liên hệ với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) thông báo việc

[Phùng Văn Q2](#) đồng ý xuất hóa đơn nâng không khối lượng 670kg lúa giống DQ11 cho [UBND thị trấn Đ](#), đồng thời [H6](#) nhờ [H](#) chỉnh sửa lại hồ sơ, hợp đồng và các thủ tục mua bán lúa giống DQ11 giữa [UBND thị trấn Đ](#) và [Công ty V10](#) với khối lượng điều chỉnh từ 2.210kg lên 2.880kg theo hóa đơn đã xuất không tăng thêm. [Lê Thị H](#) báo cáo [Phan Xuân P](#), [P](#) đồng ý chỉnh sửa lại hồ sơ để [UBND thị trấn Đ](#) nâng không thêm khối lượng mua bán lúa giống DQ11. Sau đó, [Lê Thị H](#) chỉnh sửa hồ sơ, hợp đồng theo yêu cầu của [Nguyễn Thị H6](#) và gửi bản mềm hồ sơ, hợp đồng cho [H6](#) kiểm tra, in ra trình [Nguyễn Bá T12](#) ký. Sau khi [Nguyễn Bá T12](#) ký xong hồ sơ, hợp đồng, [Nguyễn Thị H6](#) đặt vấn đề với [Lê Thị H](#) để [H](#) gửi cho [Phùng Văn Q2](#) ký hoàn thiện. Sau đó, [Phùng Văn Q2](#) gửi 01 bộ hồ sơ, hợp đồng mua bán nâng không 670kg lúa giống DQ11 cho [Nguyễn Thị H6](#), gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hóa đơn số 2204 ngày 06/02/2021 và Hợp đồng kinh tế số 02/01/2021/HĐKT ngày 02/01/2021 giữa [Công ty V10](#) và [UBND thị trấn Đ](#) mua bán 2.880kg lúa giống DQ11, đơn giá 35.000 đồng/kg, giá trị 100.800.000 đồng (trong đó có 670kg nâng không so với thực tế, với giá trị thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 11.725.000 đồng). Khi nhận được hồ sơ, [Nguyễn Thị H6](#) báo cáo và [Nguyễn Bá T12](#) ký xác nhận gửi [UBND huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh đề nghị xem xét, duyệt cấp ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Ngày 08/7/2021, sau khi [UBND huyện C](#) phê duyệt cấp ngân sách, [UBND thị trấn Đ](#) chuyển thanh toán cho [Công ty V10](#) số tiền 100.800.000 đồng giá trị hợp đồng, trong đó có giá trị nâng không khối lượng 670kg lúa giống DQ11. Sau đó, [Nguyễn Thị H6](#) liên hệ với [Lê Thị H](#) nhờ liên hệ với [Công ty V10](#) tính toán và trả lại tiền tương ứng với khối lượng nâng không cho [UBND thị trấn Đ](#). Tháng 7/2021, [Lê Thị H](#) và [Phùng Văn Q2](#) tính toán, đối chiếu công nợ trong quá trình mua bán lúa giống DQ11, [Công ty V10](#) còn nợ [Trung tâm huyện Ứ](#) số tiền 55.750.000 đồng, [Lê Thị H](#) yêu cầu [Phùng Văn Q2](#) chuyển số tiền trên cho [UBND thị trấn Đ](#) vào tài khoản của [Nguyễn Thị H6](#). Ngày 19/7/2021, [Phùng Văn Q2](#) nhờ con gái [Phùng Thị P4](#) (sinh năm 1975, trú tại [khu phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#)) - Thủ quỹ [Công ty V10](#) chuyển 55.700.000 đồng vào tài khoản số 3710215036095 mở tại [ngân hàng A2](#) của [Nguyễn Thị H6](#). Quá trình đăng ký mua 2.210kg lúa giống DQ11 thông qua Trung tâm [huyện C](#), [Nguyễn Thị H6](#) đã nộp số tiền 38.675.000 đồng cho [Trung tâm huyện Ứ](#) (tương ứng 50% giá trị hợp đồng mua bán 2.210kg lúa giống DQ11 trên thực tế) nên tổng số tiền [UBND thị trấn Đ](#) đã thanh toán cho [Trung tâm huyện Ứ](#) và [Công ty V10](#) là 139.475.000 đồng, còn thừa 62.125.000 đồng so với giá trị 2.210kg lúa giống DQ11 mua thực tế. Do đã nhận được số tiền 55.700.000 đồng từ [Phùng Văn Q2](#) chuyển khoản trả lại nên ngày 23/8/2021 [Nguyễn Thị H6](#) đến [Trung tâm huyện Ứ](#) nhận số tiền 6.425.000 đồng từ [Lê Thị H](#). Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ, hợp đồng nâng không 670 kg lúa giống DQ11 so với thực tế mua bán của các bị can [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) và [Phùng Văn Q2](#), gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **11.725.000** đồng. Trong vụ xuân năm 2022: Vào khoảng cuối tháng 12/2021, [Nguyễn Thị H6](#) báo cáo đề xuất với [Nguyễn Bá T12](#) lập hồ sơ, hợp đồng mua bán nâng không 533kg lúa giống TH8 để giải ngân hết nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 còn dư mà [UBND thị trấn Đ](#) được phân bổ trong năm 2021. [Nguyễn Bá T12](#) trao đổi, bàn bạc với [Trần Đình V3](#) và [Nguyễn Đình T13](#) thì [V3](#) và [T13](#) đều thống nhất chủ trương làm hồ sơ, hợp đồng nâng không thêm khối lượng mua bán lúa giống TH8 để vận dụng kinh phí thực hiện Nghị quyết số 01 tại địa phương. Sau khi thống nhất chủ trương trong cấp ủy, [Nguyễn Bá T12](#) chỉ đạo [Nguyễn Thị H6](#) triển khai thực hiện xây dựng hồ sơ, thủ tục mua bán nâng không thêm khối lượng lúa giống. [Nguyễn Thị H6](#) liên hệ với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) đặt vấn đề nâng không khối lượng mua bán lúa giống TH8 trong hợp đồng để giải ngân hết nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 được phân bổ trong năm 2021, [H](#) đồng ý và báo cáo [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#). [Phan Xuân P](#) liên hệ đặt vấn đề với [Đặng Văn M](#) - Giám đốc [Công ty N8](#) làm hồ sơ hợp đồng mua bán lúa giống TH8 tăng thêm so với thực tế mua bán cho [UBND thị trấn Đ](#) và

một số địa phương khác, [M](#) đồng ý. [Phan Xuân P](#) giao [Lê Thị H](#) liên hệ với [Đặng Văn M](#) để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục hợp đồng cho [UBND thị trấn Đ](#) và các địa phương trên địa bàn. Mặc dù trên thực tế nhu cầu của [UBND thị trấn Đ](#) chỉ đăng ký mua 1.008kg lúa giống TH8, tuy nhiên để giải ngân hết số tiền 9.860.500 đồng nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 cho [UBND thị trấn Đ](#), [Nguyễn Thị H6](#) đã thống nhất với [Lê Thị H](#) và [Đặng Văn M](#) lập 01 bộ hồ sơ, hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống TH8, gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hoá đơn số 87 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng kinh tế số 80/HĐKT ngày 09/11/2021 giữa [Công ty N8](#) và [UBND xã thị trấn Đ](#) mua bán 1.541kg lúa giống TH8, đơn giá 37.000 đồng/kg, giá trị 57.017.000 đồng (trong đó có 533kg nâng khống so với thực tế, với giá trị thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 9.860.500 đồng). Sau khi hoàn thiện hồ sơ hợp đồng nâng khống 533kg lúa giống TH8 và các thủ tục mua bán, [Lê Thị H](#) gửi hồ sơ, hợp đồng, hóa đơn cho [Nguyễn Thị H6](#) để hoàn thiện. [Nguyễn Thị H6](#) trình [Nguyễn Bá T12](#) ký các thủ tục, hồ sơ, hợp đồng và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 cho hợp đồng mua bán 1.541kg lúa giống TH8. Ngày 20/01/2022, sau khi được [UBND huyện C](#) cấp ngân sách, [UBND thị trấn Đ](#) chuyển số tiền 28.508.500 đồng vào tài khoản số 1012715027 của [Công ty N8](#) thanh toán 50% giá trị hợp đồng. Ngày 26/01/2022, [Lê Thị H](#) và [Nguyễn Thị H6](#) tính toán công nợ giữa các bên, số tiền đã chuyển cho [Công ty N8](#), số tiền 50% giá trị lúa giống TH8 mua thực tế mà [H6](#) đã nộp cho Trung tâm và trừ 10% chi phí xuất hoá đơn khống theo thỏa thuận cho giá trị khối lượng 533kg lúa giống TH8 nâng khống, [UBND thị trấn Đ](#) nhận lại số tiền 7.888.400 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, [Nguyễn Thị H6](#) báo cáo [Nguyễn Bá T12](#) và sử dụng chi thanh toán tiền công thực hiện Nghị quyết số 01 tại địa phương. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ, hợp đồng nâng khống 533kg lúa giống TH8 so với thực tế mua bán của các bị can [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **9.860.500** đồng.

Để có căn cứ xác định việc lập hồ sơ, hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống có sự thống nhất của cấp uỷ địa phương, sau khi đã hoàn thành các thủ tục giải ngân thanh toán cho 02 hợp đồng nâng khống 670kg lúa giống DQ11 và 533kg lúa giống TH8, [Nguyễn Thị H6](#) lập 02 biên bản phản ánh việc thống nhất nâng khống khối lượng lúa giống nói trên để [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Nguyễn Thị H6](#) cùng ký xác nhận vào biên bản.

7. Tại [UBND xã S](#), [huyện C](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#): Khoảng cuối năm 2021, [UBND xã S](#), [huyện C](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#) tổ chức triển khai vận động người dân thực hiện các mô hình tập trung ruộng đất theo Nghị quyết số 01, đồng thời kết hợp chính sách hỗ trợ người dân theo Nghị định số 62. [Thân Thị L12](#) - Cán bộ công chức nông nghiệp [UBND xã S](#) được giao các nhiệm vụ để thực hiện chủ trương trên của [UBND xã S](#). Quá trình thực hiện nhiệm vụ, [Thân Thị L12](#) nhận thấy diện tích người dân đăng ký sản xuất tập trung không đạt chỉ tiêu mà [UBND xã S](#) đề ra là 20 ha. Mặc dù nhu cầu của người dân đăng ký mua 643kg lúa giống ADI168 nhưng [Thân Thị L12](#) đã báo cáo đề xuất [Nguyễn Anh S2](#) - Chủ tịch [UBND xã S](#) và [Thái Hữu H17](#) - Phó chủ tịch [UBND xã S](#) làm hồ sơ, hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống ADI168 từ 643kg lên 1.200kg, lập hồ sơ các hộ dân đăng ký diện tích sản xuất tập trung là 20 ha nhằm mục đích có thêm kinh phí hỗ trợ tiền mua lúa giống cho người dân, [Nguyễn Anh S2](#) và [Thái Hữu H17](#) đồng ý, chỉ đạo [Thân Thị L12](#) thực hiện xây dựng hồ sơ, thủ tục, hợp đồng. [Thân Thị L12](#) liên hệ đặt vấn đề với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) nhờ liên hệ với [Công ty TNHH Đ11](#) để làm hồ sơ, hợp đồng mua bán với số lượng 1.200kg lúa giống ADI168, trong đó nâng khống 557kg so với thực tế. [Lê Thị H](#) báo cáo [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#) nội dung trên, [P](#) đồng ý và chỉ đạo [H](#) liên hệ Công ty cung ứng để làm hồ sơ, thủ tục, hợp đồng mua bán cho [UBND xã S](#). Sau đó, [Lê Thị H](#) liên hệ với [Lương Thị Phương A](#) - Kế toán [Công ty TNHH Đ11](#) đặt vấn đề xuất khống thêm 557kg lúa giống ADI168 cho [UBND xã S](#). [Lương Thị Phương A](#) báo cáo [Bùi Văn P5](#) - Giám đốc [Công ty TNHH Đ11](#) thì [P5](#) đồng ý và đề nghị [Trung tâm huyện Ứ](#) trích 5%

giá trị khối lượng tăng thêm trên hợp đồng so với khối lượng mua bán thực tế. [Lê Thị H](#) trao đổi với [Thân Thị L12](#) sẽ giúp [UBND xã S](#) làm hồ sơ, hợp đồng mua bán nâng không 557kg lúa giống ADI168 so với thực tế, chi phí xuất hóa đơn không là 10% giá trị khối lượng nâng không. [Thân Thị L12](#) báo cáo lại nội dung, [Nguyễn Anh S2](#) và [Thái Hữu H17](#) đồng ý thực hiện. [Lê Thị H](#) chuẩn bị hồ sơ, thủ tục và chuyển cho [Thân Thị L12](#) để hoàn thiện, gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hợp đồng kinh tế số 01/01/2021/HĐKT-S ký ngày 02/01/2021 giữa [Công ty TNHH Đ11](#) với [UBND xã S](#) mua bán 1.200kg lúa giống ADI168, đơn giá 35.000 đồng/kg, giá trị 42.000.000 đồng, trong đó thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 21.000.000 đồng. Khi nhận được hồ sơ, [Thân Thị Lam](#) trình [Nguyễn Anh S2](#) ký hoàn thiện và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Ngày 30/6/2021, sau khi [UBND huyện C](#) cấp ngân sách, [UBND xã S](#) chuyển thanh toán vào tài khoản số 3715201003490 mở tại [ngân hàng A2](#) của [Công ty TNHH Đ11](#) số tiền 21.000.000 đồng để thanh toán 50% giá trị hợp đồng mua bán 1.200kg lúa giống ADI168. Số tiền từ nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 đã giải ngân thanh toán vượt quá nhu cầu thực tế là 9.747.500 đồng (tương ứng 50% giá trị 557kg nâng không). Sau khi tính toán, đối trừ 10% chi phí xuất không hoá đơn theo thỏa thuận, [UBND xã S](#) nhận lại số tiền 7.798.000 đồng. Số tiền trên, [UBND xã S](#) sử dụng để thanh toán cho 50% giá trị còn lại mà không tiến hành thu tiền đối ứng của người dân.

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ, hợp đồng mua bán nâng không 557kg lúa giống ADI168 của [Thân Thị L12](#), [Nguyễn Anh S2](#), [Thái Hữu H17](#), [Lương Thị Phương A](#), [Bùi Văn P5](#) và các bị can [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **9.747.500** đồng.

8. Tại [UBND xã T](#), [huyện C](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#): Quá trình thực hiện các công việc chuyên môn và triển khai các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trên lĩnh vực nông nghiệp theo Nghị định số 62 tại [xã T](#), Ban Nông nghiệp [UBND xã T](#) gồm: [Lê Quang H11](#) - Cán bộ địa chính, nông nghiệp [UBND xã T](#); [Lê Thị M4](#) - Phó chủ tịch [UBND xã T](#) và [Nguyễn Văn H12](#) - Chủ tịch [Hội nông dân xã T](#) đã phân công nhau tập hợp nhu cầu mua lúa giống của người dân trên địa bàn để triển khai thực hiện đề án sản xuất tại địa phương. Quá trình thực hiện, nhận thấy nhu cầu người dân mua giống không sử dụng hết nguồn ngân sách hỗ trợ của nhà nước theo Nghị định số 62 cho [xã T](#) trong vụ xuân năm 2022 nên [H11](#), [M4](#) và [H12](#) đã họp bàn, thống nhất và báo cáo đề xuất [Nguyễn Quang P2](#) - Chủ tịch [UBND xã T](#) làm hồ sơ, hợp đồng nâng không khối lượng mua bán lúa giống để giải ngân hết nguồn ngân sách hỗ trợ của nhà nước theo Nghị định số 62, [P2](#) đồng ý. [Lê Quang H11](#) liên hệ đặt vấn đề với [Lê Thị H](#) - Kế toán trung tâm [huyện C](#) nhờ [H](#) liên hệ với [Công ty C11](#) nâng không khối lượng mua bán lúa giống LP5 từ 1.221kg lên 1.503kg (tăng thêm 282kg) và giống ADI168 từ 1.181kg lên 1.417kg (tăng thêm 236kg) trên hợp đồng. [Lê Thị H](#) báo cáo [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#), [P](#) đồng ý và chỉ đạo [H](#) làm hồ sơ, thủ tục mua bán giúp [UBND xã T](#). Sau đó, [Lê Thị H](#) liên hệ đặt vấn đề với [Hoàng Đình T3](#) - Giám đốc [Công ty G1](#) nhờ xuất hóa đơn tăng thêm khối lượng 282kg lúa giống LP5 cho [UBND xã T](#), [T3](#) đồng ý. Đồng thời, [Lê Thị H](#) liên hệ đặt vấn đề với [Bùi Văn P5](#) - Giám đốc [Công ty TNHH Đ11](#) đề nghị xuất hóa đơn cho [UBND xã T](#) với tổng khối lượng là 1.417kg lúa giống ADI168. Do [Trung tâm huyện Ứ](#) mua lẻ một số lượng lúa giống ADI168 cho các địa phương khác nên [Lê Thị H](#) không trao đổi với [P5](#) việc [UBND xã T](#) nhờ xuất hoá đơn tăng thêm khối lượng giống mà chỉ báo số lượng xuất bán cho [UBND xã T](#). Sau đó, [Lê Thị H](#) hoàn thiện các hồ sơ, hợp đồng và thủ tục mua bán có nâng không khối lượng mua bán lúa giống, gồm: Hợp đồng số 14/12/2021/HĐKT-TH ngày 12/12/2021 và Hợp đồng số 03/2022/HĐKT ngày 03/01/2022 mua bán với tổng khối lượng 1.503kg lúa giống LP5 giữa [Công ty G1](#) với [UBND xã T](#) (trong đó nâng không 282kg); Hợp đồng số 10/12/2021/HĐKT-ĐN ngày 10/12/2021, Hợp đồng 03/01/2022/HĐKT-ĐN-Thanh Lộc ngày 03/01/2022 mua bán với tổng khối lượng 1.417kg lúa giống ADI168 giữa [Công ty TNHH Đ11](#) với [UBND xã T](#) (trong đó nâng không 236

kg). [Lê Thị H](#) trao đổi với [Lê Quang H11](#) về chi phí xuất hoá đơn không là 10% giá trị khối lượng lúa giống nâng không, [H11](#) đồng ý. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, [Lê Thị H](#) chuyển cho [Lê Quang H11](#) trình [Nguyễn Quang P2](#) ký, hoàn thiện và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62. Sau khi được [UBND huyện C](#) cấp ngân sách, trong các ngày 09/01/2022 và ngày 28/7/2022, [UBND xã T](#) đã thanh toán số tiền 26.214.500 đồng cho [Công ty TNHH Đ11](#) và 27.805.500 đồng cho [Công ty G1](#) để thanh toán 50% giá trị các hợp đồng đã ký, 50% giá trị còn lại của số lượng giống mua thực tế (1.221kg lúa giống LP5 và 1.181 kg lúa giống ADI168) [Nguyễn Văn H12](#) đã nộp cho [Trung tâm huyện Ứ](#). Đến tháng 10/2022, sau khi tính toán công nợ với các bên, [Lê Thị H](#) báo cáo [Phan Xuân P](#) để thanh toán công nợ với [UBND xã T](#). Ngày 11/10/2022, [Trung tâm huyện Ứ](#) chuyển cho [Lê Quang H11](#) số tiền 20.167.000 đồng vào số tài khoản số 52010000305325 của [H11](#) mở tại [ngân hàng B5](#), gồm: số tiền 7.665.650 đồng là tiền đã thanh toán cho khối lượng nâng không 282kg giống LP5 và 236kg giống ADI168 (sau khi đã trừ 10% chi phí xuất hoá đơn không) và số tiền 12.501.750 đồng là tiền [Trung tâm huyện Ứ](#) trích hỗ trợ cho số lúa giống mà [UBND xã T](#) đã đăng ký mua bán thông qua [Trung tâm huyện Ứ](#). Sau khi nhận được số tiền trên, [Lê Quang H11](#), [Nguyễn Văn H12](#), [Lê Thị M4](#) báo cáo [Nguyễn Quang P2](#) thống nhất sử dụng phục vụ các hoạt động nông nghiệp tại địa phương.

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ, hợp đồng nâng không 282kg lúa giống LP5 và 236kg lúa giống ADI168 so với thực tế mua bán của [Lê Quang H11](#), [Nguyễn Văn H12](#), [Lê Thị M4](#), [Nguyễn Quang P2](#) và các bị can [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **9.583.000** đồng; Hành vi của bị can [Hoàng Đình T3](#) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **5.217.000** đồng.

9. Tại [UBND xã T](#), [huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh: Để triển khai thực hiện đề án sản xuất lúa tập trung tại địa phương trong vụ xuân năm 2022, [UBND xã T](#) vận động người dân trên địa bàn thực hiện các mô hình sản xuất tập trung đối với một số loại lúa giống có trong đề án sản xuất như [H, B](#), VNR20. Quá trình thực hiện đã vận động được các hộ dân [thôn Đ, xã T](#) đăng ký sản xuất với diện tích 21,7 ha giống lúa Bắc Thịnh với số lượng 1.302kg. Sau đó, [Hoàng Thị Ngọc Á](#) - Cán bộ phụ trách nông nghiệp [UBND xã T](#) liên hệ mua 1.302kg lúa giống Bắc Thịnh thông qua Trung tâm [huyện C](#) và nộp tiền đối ứng thu được của người dân cho [Trung tâm huyện Ứ](#). Khoảng tháng 12/2021, [Hoàng Thị Ngọc Á](#) liên hệ với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) để hoàn thiện hồ sơ, hợp đồng mua bán 1.302kg lúa giống [B](#), đơn giá 38.000 đồng/kg, giá trị hợp đồng 49.476.000 đồng (ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 24.738.000 đồng, ngân sách thường xuyên của [UBND xã T](#) phục vụ hoạt động nông nghiệp tại địa phương hỗ trợ 24.738.000 đồng) để kịp thời giải ngân nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 chưa sử dụng hết của năm 2021, còn giống sẽ nhận sau. Sau khi hoàn thiện hồ sơ hợp đồng mua bán 1.302kg lúa giống Bắc Thịnh, ngày 11/01/2021 người dân [thôn Đ](#) có đơn xin thay đổi diện tích sản xuất tập trung từ 21,7 ha xuống còn 14,86 ha và chuyển đổi sang trồng tập trung lúa giống VNR20 thay giống lúa [B](#) đã đăng ký ban đầu. Căn cứ nội dung đơn của người dân [thôn Đ](#), Cấp uỷ và lãnh đạo [UBND xã T](#) đã họp bàn và thống nhất các nội dung: cho phép [thôn Đ](#) thay đổi quy hoạch diện tích mô hình sản xuất tập trung là 14,86 ha với bộ lúa giống VNR20 theo nguyện vọng của người dân; Giao ban nông nghiệp liên hệ đơn vị cung ứng để mua giống VNR20 cho [thôn Đ](#) sản xuất. Sau đó, [Mai Khắc T17](#) - Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch [UBND xã T](#), [Nguyễn Văn Đ5](#) - Phó chủ tịch [UBND xã T](#) và [Hoàng Thị Ngọc Á](#) bàn bạc, thống nhất mặc dù không mua 1.302kg lúa giống Bắc Thịnh nhưng vẫn làm hợp đồng để giải ngân nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 và ngân sách xã hỗ trợ để chi trả chi phí mua lúa giống VNR20 tại [thôn Đ](#) không làm hợp đồng. Sau khi thống nhất chủ trương, [Hoàng Thị Ngọc Á](#) liên hệ với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) báo lại việc [UBND xã T](#) không mua 1.302kg lúa giống Bắc Thịnh đã đăng ký do nhu cầu sản xuất của người dân thay đổi và nhờ [Trung tâm huyện Ứ](#) lấy lại tiền từ Công ty cung ứng sau khi [UBND xã T](#) giải ngân thanh toán cho hợp đồng nói trên, [H](#) đồng ý. Sau đó, [Lê Thị H](#) báo cáo [Phan Xuân P](#) nội dung trên,

đồng thời [H](#) trao đổi với [Hoàng Thị Ngọc Á](#) về việc hóa đơn Công ty cung ứng đã xuất bán 1.302kg lúa giống Bắc Thịnh nếu không nhận giống thì [UBND xã T](#) phải chịu chi phí xuất hóa đơn tương ứng là 10% giá trị hợp đồng. [Hoàng Thị Ngọc Á](#) báo cáo [Mai Khắc T17](#) và [Nguyễn Văn Đ5](#) về việc sẽ mất 10% chi phí hóa đơn như [Lê Thị H](#) đã trao đổi, [T17](#) và Đại đồng ý. Ngày 17/01/2022, mặc dù biết rõ nhu cầu của [xã T](#) không mua giống [B](#) nhưng [Bùi Thị Mỹ D5](#) - Kế toán [UBND xã T](#) vẫn làm thủ tục chuyển số tiền 49.476.000 đồng vào tài khoản số 1012715027 mở tại [Ngân hàng V11](#) của [Công ty N8](#) thanh toán cho Hợp đồng số 37/HĐKT ngày 08/11/2021 mua bán 1.302kg lúa giống [B](#). Đến ngày 26/01/2022, [Hoàng Thị Ngọc O](#) đến [Trung tâm huyện Ứ](#) nhận lại số tiền 44.528.400 đồng (sau khi trừ 10% chi phí xuất hóa đơn không theo thỏa thuận). Sau đó, [Hoàng Thị Ngọc Á](#) báo cáo [Mai Khắc T17](#) và [Nguyễn Văn Đ5](#) sử dụng 33.896.000 đồng thanh toán chi phí mua 892kg lúa giống VNR20 phục vụ sản xuất tập trung tại [thôn Đ](#) (50% giá trị thanh toán từ Ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 16.948.000 đồng; 50% giá trị thanh toán từ ngân sách thường xuyên của [UBND xã T](#) là 16.948.000 đồng). Số tiền còn lại 10.632.400 đồng, [Hoàng Thị Ngọc Á](#) nhập quỹ của [UBND xã T](#) phục vụ chi cho các hoạt động nông nghiệp của địa phương. Như vậy, số tiền chênh lệch mà [UBND xã T](#) sử dụng thanh toán cho hợp đồng không mua 1.302kg lúa giống Bắc Thịnh so với số tiền thực tế [UBND xã T](#) sử dụng mua lúa giống VNR20 là 15.580.000 đồng (trong đó 7.790.000 đồng là ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 và 7.790.000 đồng là ngân sách của [UBND xã T](#)).
Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập không hợp đồng mua bán 1.302kg lúa giống Bắc Thịnh nhằm giải ngân nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 để sử dụng mua 892kg lúa giống VNR20 của [Hoàng Thị Ngọc Á](#), [Nguyễn Văn Đ5](#), [Mai Khắc T17](#) và các bị can [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#) dẫn đến nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 đã chi tăng thêm so với nhu cầu thực tế là 7.790.000 đồng (nhu cầu thực tế mua lúa giống VNR20 là 16.948.000 đồng, trong khi ngân sách đã giải ngân mua lúa giống Bắc Thịnh là 24.738.000 đồng), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **7.790.000** đồng.

10. Tại [UBND xã Q](#), [huyện C](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#): Vào khoảng cuối năm 2021, [Nguyễn Đình V5](#) - Cán bộ nông nghiệp [UBND xã Q](#), [huyện C](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#) nhận thấy ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 được phân bổ cho [UBND xã Q](#) trong năm 2021 còn dư số tiền 6.384.000 đồng, nếu địa phương không sử dụng hết thì [UBND huyện C](#) sẽ thu hồi hoàn trả lại ngân sách Nhà nước, trong khi đó [UBND xã Q](#) đang cần kinh phí thanh toán tiền mua ống cống phục vụ Nghị quyết số 01. [Nguyễn Đình V5](#) báo cáo đề xuất [Đặng Đình V6](#) - Chủ tịch [UBND xã Q](#) làm không hồ sơ, hợp đồng mua bán 336kg lúa giống [Bắc T26](#) để giải ngân hết số tiền 6.384.000 đồng, [V6](#) đồng ý. [Nguyễn Đình V5](#) liên hệ đặt vấn đề với [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) lập không hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống cho [UBND xã Q](#), [H](#) đồng ý và thống nhất chi phí xuất hoá đơn không là 10% giá trị hợp đồng không. Sau đó, [Lê Thị H](#) tổng hợp số lượng lúa giống Bắc Thịnh của từng địa phương trên địa bàn [huyện C](#) muốn lập không, nâng không khối lượng mua bán, trong đó có [UBND xã Q](#) và báo cáo [Phan Xuân P](#) - Giám đốc [Trung tâm huyện Ứ](#). [Phan Xuân P](#) liên hệ với [Đặng Văn M](#) - Giám đốc [Công ty N8](#) đặt vấn đề làm hồ sơ, hợp đồng, xuất hóa đơn không khối lượng 336kg lúa giống Bắc Thịnh cho [UBND xã Q](#) và khối lượng xuất không, nâng không của các đơn vị địa phương trên địa bàn, [M](#) đồng ý. [Phan Xuân P](#) chỉ đạo [Lê Thị H](#) liên hệ với [Đặng Văn M](#) để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, hợp đồng không mua bán lúa giống Bắc Thịnh cho [UBND xã Q](#) và một số địa phương trên địa bàn [huyện C](#). Sau khi chuẩn bị xong hồ sơ, [Lê Thị H](#) chuyển cho [Nguyễn Đình V5](#) 01 bộ hồ sơ không, gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, Hoá đơn số 83 ngày 22/11/2021, Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT ngày 08/11/2021 giữa [Công ty N8](#) với [UBND xã Q](#) mua bán 336kg lúa giống [B](#), đơn giá 38.000 đồng/kg, giá trị 12.768.000 đồng, trong đó thanh toán 50% từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là 6.384.000 đồng. Sau khi nhận bộ hồ sơ không, [Nguyễn Đình V5](#) trình [Đặng Đình V6](#) ký hoàn thiện thủ tục và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp 6.384.000 đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị

định số 62. Sau khi được [UBND huyện C](#) phê duyệt cấp ngân sách, ngày 12/01/2022 [UBND xã Q](#) chuyển số tiền 6.384.000 đồng vào tài số khoản 1012715027 mở tại [ngân hàng V11](#) của [Công ty N8](#) để thanh toán 50% giá trị hợp đồng không mua bán 336kg lúa giống [B](#). Do chưa tính toán, đối chiếu công nợ với [Trung tâm huyện Ứ](#) nên [UBND xã Q](#) chưa nhận lại tiền từ hợp đồng mua bán không nêu trên, ngày 24/03/2022 [Nguyễn Đình V5](#) tự bỏ ra số tiền 6.384.000 đồng để nhập vào quỹ [UBND xã Q](#). Ngày 31/3/2022, [UBND xã Q](#) xuất số tiền này để trả tiền nợ mua ống cống, thực hiện phá vùng bờ thửa theo Nghị quyết số 01. Ngày 17/10/2022, [Lê Thị H](#) và [Nguyễn Đình V5](#) tính toán, đối trừ chi phí xuất hoá đơn không 10% giá trị hợp đồng không theo thoả thuận, [UBND xã Q](#) nhận lại số tiền 5.107.200 đồng. Trung tâm [huyện C](#) sử dụng tài khoản số 3710201002078 mở tại [Ngân hàng A2](#) chuyển số tiền 5.107.200 đồng vào số tài khoản 3710215036571 mở tại [ngân hàng A2](#) của [Nguyễn Đình V5](#).

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập không hồ sơ, hợp đồng mua bán 336kg lúa giống Bắc Thịnh của [Nguyễn Đình V5](#), [Đặng Đình V6](#) và các bị can [Phan Xuân P8](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **6.384.000** đồng.

11. Tại [UBND xã T](#), [huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh: Khoảng tháng 12/2021, sau khi triển khai đề án sản xuất lúa vụ xuân 2022 của [xã T](#) đến các thôn, [Nguyễn Trung K2](#) - Phó chủ tịch [UBND xã T](#), [huyện C](#), tỉnh Hà Tĩnh phân công [Nguyễn Sỹ H16](#) - Cán bộ thú y [UBND xã T](#) tổng hợp nhu cầu mua lúa giống của các hộ dân báo cáo [K2](#), đồng thời liên hệ với [Trung tâm huyện Ứ](#) để đăng ký mua lúa giống cho người dân trên địa bàn. Căn cứ nhu cầu mua lúa giống của người dân, [Nguyễn Sỹ H16](#) đăng ký mua lúa giống tại Trung tâm [huyện C](#) với số lượng 1.106kg lúa giống BT09 và 1.133kg lúa giống Hà Phát 3 cho [UBND xã T](#). Đến khoảng tháng 12/2021, một số hộ dân thay đổi nhu cầu mua lúa giống nên [Nguyễn Trung K2](#) báo lại Trung tâm [huyện C](#) việc [UBND xã T](#) chỉ đăng ký mua 996kg lúa giống Hà Phát 3 và 993kg lúa giống BT09. Tuy nhiên thời điểm này, [Phan Xuân P](#) đã [B6](#) và đề nghị các Công ty cung ứng xuất hóa đơn với số lượng theo đăng ký ban đầu của [UBND xã T](#) nên [Lê Thị H](#) - Kế toán [Trung tâm huyện Ứ](#) trao đổi với [Nguyễn Trung K2](#) về việc xuất lại hóa đơn theo số lượng mua bán đúng thực tế thì [UBND xã T](#) phải chịu chi phí hủy hóa đơn đã xuất cho các Công ty cung ứng. Để không mất chi phí hủy hóa đơn, [Nguyễn Trung K2](#) đồng ý sử dụng hóa đơn đã xuất không đúng thực tế nhu cầu mua giống để giải ngân, thanh toán. [Phan Xuân P](#) liên hệ với [Hoàng Anh T28](#) - Kế toán [Công ty G1](#) báo lại số lượng mua giống BT09, tuy nhiên [P](#) đề nghị vẫn giữ nguyên hợp đồng, hoá đơn đã xuất bán ban đầu là 1.106kg cho [UBND xã T](#), [T28](#) đồng ý. Sau đó, [Lê Thị H](#) liên hệ với các đơn vị cung ứng và chuẩn bị hồ sơ, hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng số 23/12/2021/HĐKT-TN ngày 10/12/2021 giữa [Công ty G1](#) với [UBND xã T](#) mua bán 1.106kg lúa giống BT09 (tăng thêm 113kg so với thực tế) và Hợp đồng số 15/12/2021/HĐKT-TN ngày 10/12/2021 giữa [Công ty TNHH G1](#) với [UBND xã T](#) mua bán 1.133kg lúa giống [H](#) (tăng thêm 137kg so với thực tế). Sau khi chuẩn bị xong hồ sơ, hợp đồng, [Lê Thị H](#) gửi cho [Nguyễn Trung K2](#) kiểm tra, trình [Đường H](#) - Chủ tịch [UBND xã T](#) ký hoàn thiện và gửi [UBND huyện C](#) đề nghị xem xét, duyệt cấp ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62. Quá trình thực hiện mua lúa giống, [Nguyễn Sỹ H16](#) đã nộp trước cho [Trung tâm huyện Ứ](#) phần tiền đối ứng của người dân mua lúa giống với số tiền 144.700.000 đồng, còn thiếu 5.089.500 đồng do chưa thu đủ của người dân. Ngày 21/01/2022, sau khi [UBND huyện C](#) cấp ngân sách, [UBND xã T](#) chuyển thanh toán cho [Công ty G1](#) số tiền 18.249.000 đồng và chuyển thanh toán cho [Công ty TNHH G1](#) số tiền 20.960.500 đồng để thanh toán 50% giá trị hợp đồng. Đối với 137kg giống [H](#) 3 tăng thêm so với nhu cầu của [UBND xã T](#), sau khi nhận giống về không cấp hết cho các địa phương [Phan Xuân P](#) đã chuyển trả lại cho [Công ty TNHH G1](#). Việc ký kết hợp đồng mua bán tăng thêm 137kg [H](#) và 113kg lúa giống BT09 trong hợp đồng so với nhu thực tế mua lúa giống của [UBND xã T](#) làm ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 phải giải ngân tăng thêm số tiền 4.399.000 đồng. Số tiền trên, [Nguyễn Trung K2](#) không trao đổi với [Đường H](#) mà tự thống nhất với

[Nguyễn Sỹ H16](#) sử dụng để thanh toán cho phần tiền đối ứng mà người dân nộp thiếu chưa thu được.

Kết quả điều tra xác định: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ, hợp đồng nâng không 113kg lúa giống BT09 và 137kg lúa giống [H 3](#) của [Nguyễn Trung K2](#), [Nguyễn Sỹ H16](#) và các bị can [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **4.399.000** đồng; Hành vi của bị can [Hoàng Anh T28](#) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền **1.864.500** đồng.

*** Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ:**

- **Thu giữ của [Phan Xuân P](#):** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím; 01 máy tính xách tay màu xám, nhãn hiệu Dell bên trong có gắn 01 ổ cứng màu đen, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 120GB, có số hiệu SA400S37/120G và 41 tờ tài liệu; 243 tờ tài liệu dữ liệu điện tử là tin nhắn qua ứng dụng zalo của [Phan Xuân P](#) có nội dung liên quan đến vụ án. (Bút lục: 95-96; 270-272; 20.010-20.011).

- **Thu giữ của [Lê Thị H](#):** 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Dell - Latitude 3420; 04 túi nhựa màu trắng đựng 259 tờ tài liệu; 07 hộp tài liệu màu xanh đựng 5.323 tờ tài liệu; 01 Key máy tính màu đen, bên trong có gắn 01 ổ cứng model: WD1600AAJS, 160Gb, Sata/ 8Mb Cache, S/N: WMAV2CA96741; 01 quyển sổ tay màu đen, bên trong sổ đã được ghi nội dung trong 109 trang; 01 quyển sổ ghi chép màu đỏ, bên trong sổ đã được ghi nội dung trong 66 trang; 310 tờ tài liệu dữ liệu điện tử là tin nhắn qua ứng dụng zalo của [Lê Thị H](#) có nội dung liên quan đến vụ án. (Bút lục: 280-282; 19.667; 19.705; 19.715; 19.771; 19.802; 19.831; 19.848; 19.861; 19.875; 19.901; 19.953; 19.961; 19.990).

- **Thu giữ của [Đặng Văn M](#):** 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu bạc; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 màu đen, bên trong gắn sim số 0917.066.558; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massetel màu đen; 03 hộp nhựa màu xanh đựng 1.979 trang tài liệu; 04 hộp nhựa màu xanh đựng 1.225 trang tài liệu; 02 hộp nhựa màu xanh đựng 1.773 trang tài liệu; 02 hộp nhựa màu xanh đựng 680 trang tài liệu (các trang tài liệu là hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của [công ty TNHH N8](#)).

- **Thu giữ của [Hoàng Đình T3](#):** 22 phiếu xuất kho, nhận hàng giữa [Hoàng Đình T3](#) và các doanh nghiệp, cá nhân có liên quan; 17 tờ giấy viết tay thể hiện việc giao dịch, mua bán giống của [Hoàng Đình T3](#).

- **Thu giữ của [Trần Xuân H9](#):** Số tiền 20.000.000 đồng tiền Việt nam đồng; 700 đô la Mỹ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh than, bên trong gắn 02 thẻ sim số 0985.227.510 và 0946.129.278 và 02 tờ tài liệu.

- **Thu giữ của [Hoàng Anh T28](#):** 09 tờ tài liệu là bảng kê Phiếu xuất giống lúa BT09; 04 tờ tài liệu là Bảng kê Phiếu giống lúa BT09; 19 tờ tài liệu là hồ sơ kiểm kê, tiền mặt, tài sản, công cụ dụng cụ của [Công ty TNHH MTV G1](#)

- **Thu giữ của [Tù Thị Lan H8](#):** 01 Key màu đen nhãn hiệu HUNO, bên trong có gắn 01 ổ cứng nhãn hiệu Kington Technology dung lượng 120GB; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu DELL, LCD; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X; 40 quyển biên lai thu tiền đóng góp các loại quỹ của [UBND xã X](#), [huyện C tỉnh Hà Tĩnh](#); 03 túi Clearbag đựng 52 tờ tài liệu là các hồ sơ liên quan đến phương án vận động đóng góp các khoản thuế, thuế quỹ của [UBND xã X](#), [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) và 63 tờ tài liệu là các hồ sơ liên quan đến các Hợp đồng mua bán lúa giống làm mô hình Vietgap; 26 quyển biên lai thu tiền đóng góp các loại Quỹ của [UBND xã X](#), [huyện C tỉnh Hà Tĩnh](#); 01 túi Clearbag bên trong đựng 09 tờ tài liệu là các hồ sơ cấp kinh phí hỗ trợ giống lúa, phân bón.

- **Thu giữ của [Nguyễn Xuân C9](#):** 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 0915.424.663.

- **Thu giữ tại UBND các xã [P](#), [M](#), [X](#), [T](#), [T](#), [S](#), [Q](#), [V](#), [T](#), [T](#), [Kim Song T27](#), [Khánh V](#), [Thường N7](#), [T](#), [G](#), [thị trấn N](#), [thị trấn Đ](#):** 7.382 tờ tài liệu có nội dung liên quan đến hoạt động cấp kinh phí để triển khai theo Nghị định số 62, gồm: Đề án, kế hoạch sản xuất các vụ mùa; Thông báo bổ sung dự toán thực hiện Nghị định số 62; Quyết định cấp kinh phí hỗ trợ giống lúa, phân bón

các vụ mùa; Danh sách người dân tham gia mô hình theo các vụ; Hồ sơ liên quan đến thu chi ngân sách, phân bổ dự toán ngân sách; Hồ sơ thanh toán mua lúa giống, phân bón của UBND các xã với các Công ty cung ứng từ năm 2020 đến năm 2023.

- **Thu giữ tại Công ty cổ phần G1; Công ty TNHH MTV G1; Công ty TNHH N8; Công ty TNHH V10, Công ty TNHH G1; Công ty TNHH Đ11:** 4.649 tờ tài liệu phản ánh việc mua bán lúa giống cho các xã, thị trấn trên địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

- **Thu giữ tại Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Ứ:** 390 tờ tài liệu phản ánh các hoạt động của Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi [huyện C](#), gồm: quy chế hoạt động; giấy đề nghị chiết khấu, thanh toán; phiếu thu; giấy biên nhận; các hợp đồng theo dõi mô hình.

- **Thu giữ tại UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh:** 1.754 tờ tài liệu liên quan đến hoạt động cấp kinh phí để triển khai theo Nghị định số 62, gồm: Bản cam kết về việc chấp hành thực hiện mô hình trình diễn lúa các vụ mùa tại các xã, thị trấn; Biên bản kiểm tra, đánh giá thực hiện mô hình lúa các vụ mùa tại các xã, thị trấn; Văn bản, kế hoạch, quyết định liên quan đến việc xây dựng kế hoạch, quản lý, kiểm tra việc triển khai sản xuất, kinh doanh giống và vật tư; Quyết định về việc phê duyệt sử dụng đất; Hồ sơ về việc đánh giá kết quả sản xuất; Danh sách các hộ dân tham gia sản xuất mô hình trình diễn lúa; Hồ sơ liên quan đến việc cấp kinh phí hỗ trợ giá giống lúa, phân bón; Báo cáo kết quả thực hiện mô hình sản xuất lúa các vụ mùa 2020, 2021, 2022.

- **Thu giữ tiền từ các bị can tự nguyện giao nộp, gồm:** Bị can [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#) nộp số tiền 208.195.500 đồng; Bị can [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Đình S1](#) nộp số tiền 27.569.000 đồng; Bị can [Nguyễn Xuân C2](#) và [Lê Duy T6](#) nộp số tiền 31.394.500 đồng; Bị can [Nguyễn Quốc V](#) và [Nguyễn Văn H33](#) nộp số tiền 50.000.000 đồng; Bị can [Nguyễn Quốc V](#) nộp số tiền 34.395.000 đồng; Bị can [Trần Xuân H9](#) và [Tùng Thị Lan H8](#) nộp số tiền 13.680.000 đồng; Bị can [Trần Đình M2](#) và [Trần Sỹ L4](#) nộp số tiền 31.692.000 đồng; Bị can [Nguyễn Đình T13](#) nộp số tiền 11.725.000 đồng; Bị can [Nguyễn Bá T12](#) nộp số tiền 9.860.500 đồng.

- **Thu giữ tiền từ các đối tượng liên quan tự nguyện giao nộp, gồm:** [Nguyễn Trung K2](#) nộp số tiền 4.399.000 đồng; [Thân Thị L12](#) nộp số tiền 9.747.500 đồng; [Lê Quang H11](#) nộp số tiền 7.666.400 đồng; [Nguyễn Đình V5](#) nộp số tiền 6.384.000 đồng; [Hoàng Thị Ngọc Á](#) nộp số tiền 7.790.000 đồng.

*** Xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu:**

- Quá trình điều tra xác định các đồ vật, tài liệu sau không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can nên Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, gồm:

+ Trả lại cho [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#) số tiền 200.000.000 đồng (trong tổng số tiền 208.195.500 đồng đã thu giữ);

+ Trả lại cho [Nguyễn Xuân C2](#): 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 0915.424.663;

+ Trả lại cho [Trần Xuân H9](#): Số tiền 20.000.000 đồng tiền Việt nam đồng; 700 đô la Mỹ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh than, bên trong gắn 02 thẻ sim số 0985.227.510 và 0946.129.278;

+ Trả lại cho [Tùng Thị Lan H8](#): 66 quyển biên lai thu tiền đóng góp các loại Quỹ của [UBND xã X](#); 03 túi Clearbag đựng 52 tờ tài liệu là các hồ sơ liên quan đến phương án vận động đóng góp các khoản thuê, thuê quỹ của [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) và 63 tờ tài liệu là các hồ sơ liên quan đến các Hợp đồng mua bán lúa giống làm mô hình Vietgap; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu DELL, LCD; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X.

+ Trả lại cho [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#): 01 Key màu đen nhãn hiệu HUNO, bên trong có gắn 01 ổ cứng nhãn hiệu Kington Technology dung lượng 120GB.

+ Trả lại cho [Trung tâm Ứ](#) vật nuôi [huyện C](#): 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Dell - Latitude 3420, bên trong gắn 01 ổ cứng nhãn hiệu KIOXIA SOLID STATE DRIVE, model KBG40ZNS256G, dung lượng 256Gb; 01 Key máy tính màu đen, bên trong có gắn 01 ổ cứng

model: WD1600AAJS, 160Gb, Sata/ 8Mb Cache, S/N: WMAV2CA96741; 01 quyển sổ ghi chép màu đỏ, bên trong sổ đã được ghi nội dung trong 66 trang; 07 hộp tài liệu màu xanh đựng 5.323 tờ tài liệu; 01 máy tính xách tay màu xám, nhãn hiệu Dell bên trong có gắn 01 ổ cứng màu đen, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 120GB, có số hiệu SA400S37/120G.

+ Trả lại cho [Đặng Văn M](#): 03 hộp nhựa màu xanh đựng 1.929 trang tài liệu (trong tổng số 1.979 trang tài liệu thu giữ); 04 hộp nhựa màu xanh đựng 1.115 trang tài liệu (trong tổng số 1.225 trang tài liệu thu giữ); 02 hộp nhựa màu xanh đựng 1.773 trang tài liệu; 02 hộp nhựa màu xanh đựng 680 trang tài liệu; 01 một máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu bạc; 01 một điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 màu đen, bên trong gắn sim số 0917.066.558; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massetel màu đen.

- Đối với số tiền 8.195.500 đồng của [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#) giao nộp; số tiền 27.569.000 đồng của [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Đình S1](#) giao nộp; số tiền 31.394.500 đồng của [Nguyễn Xuân C2](#), [Lê Duy T6](#) giao nộp; số tiền 50.000.000 đồng của [Nguyễn Quốc V](#), [Nguyễn Văn H33](#) giao nộp; số tiền 13.680.000 đồng của [Trần Xuân H9](#), [Từ Thị Lan H8](#) giao nộp; Số tiền 31.692.000 đồng của [Trần Đình M2](#), [Trần Sỹ L4](#) giao nộp. Hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của [Công an tỉnh H](#) được chuyển đến tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 11.725.000 đồng [Nguyễn Đình T13](#) giao nộp; Số tiền 9.860.000 đồng [Nguyễn Bá T12](#) giao nộp; Số tiền 34.395.000 đồng [Nguyễn Quốc V](#) giao nộp; Số tiền 4.399.000 đồng [Nguyễn Trung K2](#) giao nộp; Số tiền 9.747.500 đồng [Thân Thị L12](#) giao nộp; Số tiền 7.666.400 đồng [Lê Quang H11](#) giao nộp; Số tiền 6.384.000 đồng [Nguyễn Đình V5](#) giao nộp; Số tiền 7.790.000 đồng [Hoàng Thị Ngọc Á](#) giao nộp. Số tiền trên các bị can và cá nhân liên quan giao nộp vào tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, vì vậy tiếp tục tạm giữ số tiền trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím thu giữ của [Phan Xuân P](#) chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các tờ tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

*** Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Trong quá trình điều tra vụ án các bị can, đối tượng liên quan đã liên đới khắc phục đầy đủ số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 248.208.500 đồng, cụ thể: [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) mỗi người nộp 26.945.900 đồng (mỗi người nộp thừa 3.139.450 đồng); [Nguyễn Xuân C2](#), [Lê Duy T6](#) mỗi người nộp 12.557.800 đồng; [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#) mỗi người nộp 33.953.600 đồng (mỗi người nộp thừa 5.500 đồng); [Trần Xuân H9](#), [Từ Thị Lan H8](#) mỗi người nộp 5.472.000 đồng; [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#) mỗi người nộp 12.676.800 đồng; [Bùi Viết H5](#) nộp 7.353.000 đồng; [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#) mỗi người nộp 7.351.000 đồng; [Nguyễn Đình T13](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Nguyễn Thị H6](#) mỗi người nộp 4.903.350 đồng; [Hoàng Anh T28](#) nộp 1.815.000 đồng; [Nguyễn Đình V5](#), [Đặng Đình V6](#) mỗi người nộp 2.553.600 đồng; [Nguyễn Anh S2](#), [Thái Hữu H17](#) mỗi người nộp 2.599.000 đồng; [Thân Thị L12](#) nộp 2.600.000 đồng; [Lê Quang H11](#), [Nguyễn Quang P2](#), [Lê Thị M4](#), [Nguyễn Văn H12](#) nộp mỗi người 1.916.600 đồng; [Nguyễn Trung K2](#), [Nguyễn Sỹ H16](#) mỗi người nộp 2.199.500 đồng; [Mai Khắc T17](#), [Nguyễn Văn Đ5](#), [Bùi Thị Mỹ D1](#), [Hoàng Thị Ngọc Á](#) mỗi người nộp 710.750 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKSHT-P1 ngày 15 tháng 9 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố các bị can:

- [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

- [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên cáo trạng, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 356 Bộ luật hình sự.

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Việt H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) phạm tội: “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

[2] Về hình phạt chính:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo [Phan Xuân P](#) mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án;
2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo [Lê Thị H](#) mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án;
3. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo [Đặng Văn M](#) mức án từ 24-30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án;
4. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo [Hoàng Đình T3](#) mức án từ 18-21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án.
5. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo [Hoàng Anh T28](#) mức án từ 15-18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án;
6. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Nguyễn Quốc V](#) mức án Cảnh cáo;
7. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt các bị cáo [Phan Văn H2](#) mức án Cảnh cáo;
8. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Trần Sỹ L4](#) mức án Cảnh cáo;
9. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Trần Đình M2](#) mức án Cảnh cáo;
10. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Lê Duy T6](#) mức án Cảnh cáo;
11. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Nguyễn Xuân C9](#) mức án Cảnh cáo;
12. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Nguyễn Đình S1](#) mức án Cảnh cáo;
13. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Phan Công L5](#) mức án Cảnh cáo;
14. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Bùi Việt H34](#) mức án Cảnh cáo;
15. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị H6](#) mức án Cảnh cáo;
16. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Nguyễn Bá T12](#) mức án Cảnh cáo;
17. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Trần Đình V3](#) mức án Cảnh cáo;

18. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Nguyễn Đình T13](#) mức án Cảnh cáo;

19. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Từ Thị Lan H8](#) mức án Cảnh cáo;

20. Áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 34, Điều 17, Điều 58, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo [Trần Xuân H9](#) mức án Cảnh cáo

21. Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Khoản 1,3 điều 54, Điều 17; Điều 58, Điều 34 BLHS, xử phạt bị cáo [Phùng Văn Q2](#) mức án Cảnh cáo

-Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 356, Điều 32, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung đối với:

[Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) mỗi bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. [Đặng Văn M](#) từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#) mỗi bị cáo mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#) mỗi bị cáo mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật, Tại phiên tòa, các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), riêng bị cáo [Phùng Văn Q2](#) đã có đơn trình bày đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt chính và hình phạt bổ sung cho các bị cáo, lý do các bị cáo phạm tội trong bối cảnh đại dịch covid, kinh tế địa phương khó khăn; việc thực hiện nghị quyết dồn điền đổi thửa, xây dựng nông thôn mới thiếu kinh phí và ngân sách địa phương hạn chế, việc các bị cáo phạm tội không vì động cơ cá nhân mà chỉ nhằm tạo kinh phí để thực hiện xây dựng nông thôn mới; số tiền gây thiệt hại phục vụ mục đích mua công thoát nước, đập dịch, chi trả các hoạt động thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 20/8/2020 của [huyện ủy C10](#), tỉnh Hà Tĩnh (gọi tắt là Nghị quyết số 01) trong địa phương, không có bị cáo nào hưởng lợi cá nhân và số tiền gây thiệt hại không lớn. Bản thân các bị cáo đều có nhiều năm công tác và có nhiều đóng góp cống hiến cho chính quyền địa phương, được tặng thưởng nhiều bằng khen, huân, huy chương nay đã bị đình chỉ công tác, mất việc làm, hoàn cảnh nhiều bị cáo khó khăn, vì vậy, đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật để có cơ hội tiếp tục làm việc và cống hiến cho chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra, Điều tra viên Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#), Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng và hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các lời khai của bị cáo [Phùng Văn Q2](#) có tại hồ sơ cũng thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Vào các năm 2021 và 2022, trong quá trình triển

khai thực hiện việc mua bán lúa giống được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 ngày 11/7/2019 của Chính Phủ cho người dân, các đối tượng tại UBND các xã, thị trấn trên địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, thông qua [Phan Xuân P](#) - Giám đốc và [Lê Thị H](#) - Kế toán thuộc [Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Ứ](#) liên hệ, thống nhất với các Công ty cung ứng lúa giống lập khống hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống, nâng khống khối lượng mua bán lúa giống trong hợp đồng để giải ngân trái quy định nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền **248.208.500** đồng, trong đó: [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#) thuộc [UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) là những người khởi xướng, thực hành tích cực lập khống 02 hợp đồng mua bán 2.631kg lúa giống Bắc Thịnh và 1.970kg lúa giống BT09, lập 01 hợp đồng nâng khống 940kg lúa giống [H](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước tổng số tiền 84.384.000 đồng; [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#) thuộc [UBND xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) là những người khởi xướng, thực hành tích cực lập khống 01 hợp đồng mua bán 1.668kg lúa giống Bắc Thịnh, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền 31.692.000 đồng; [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#) thuộc [UBND xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) là những người khởi xướng, thực hành tích cực lập 01 hợp đồng nâng khống 1.697kg lúa giống LP5, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền 31.394.500 đồng; [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#) thuộc [UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) là những người khởi xướng, thực hành tích cực lập khống 01 hợp đồng mua bán 1.451kg lúa giống Bắc Thịnh, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền 27.569.000 đồng; [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#) thuộc [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) là những người khởi xướng, thực hành tích cực lập khống 01 hợp đồng mua bán 720kg lúa giống Bắc Thịnh, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền 13.680.000 đồng; [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#) thuộc [UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) là những người khởi xướng, thực hành tích cực lập 02 hợp đồng nâng khống 670 kg lúa giống DQ11 và 533 kg lúa giống TH8, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước tổng số tiền 21.585.500 đồng. [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#) đồng phạm với vai trò thực hành tích cực trong việc liên hệ, thống nhất với các Công ty cung ứng và chuẩn bị hồ sơ, thủ tục để lập khống 07 hợp đồng mua bán lúa giống và 09 hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống cho UBND các [xã P, M, X, Kim Song T27, thị trấn N, thị trấn Đ, T, T, Q, Thường N7, S](#), gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 248.208.500 đồng, [Trung tâm huyện Ứ](#) hưởng lợi 47.612.900 đồng; [Đặng Văn M](#) - Giám đốc [Công ty N8](#) đồng phạm với vai trò thực hành tích cực lập khống 06 hợp đồng mua bán lúa giống và 01 hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống cho UBND các [xã M, X, Kim Song T27, thị trấn N, thị trấn Đ, T, Q thuộc huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 146.964.500 đồng; [Hoàng Đình T3](#) - Giám đốc [Công ty G1](#) đồng phạm với vai trò thực hành tích cực lập 02 hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống cho UBND các [xã P và T thuộc huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 36.611.500 đồng; [Hoàng Anh T28](#) - Kế toán [Công ty G1](#) đồng phạm với vai trò thực hành tích cực lập khống 01 hợp đồng mua bán lúa giống và 01 hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống cho UBND các [xã K và Thường N7](#) thuộc [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 34.369.500 đồng; [Phùng Văn Q2](#) - Giám đốc [Công ty V10](#) đồng phạm với vai trò thực hành tích cực lập 01 hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống cho [UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với số tiền 11.725.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) là nguy hiểm cho xã hội; Các bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình làm trái trái công vụ, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn trong lĩnh vực quản lý, điều hành về thu chi ngân sách của nhà nước được quy định cụ thể tại Điều 356 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự với lỗi cố ý trực tiếp, tổng tang số gây thiệt hại là **248.208.500** đồng. Hành vi của bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định Điều 356 Bộ luật hình sự. Trong đó, bị cáo [Phan Xuân P](#) và bị cáo [Lê Thị H](#) phạm vào tình tiết định khung “*Phạm tội từ hai lần trở lên*” và [G](#) *thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng (tổng tang số hai bị cáo đã gây thiệt hại là 248.208.500 đồng)* quy định tại điểm b, c, khoản 2 Điều 356 BLHS. Còn các bị cáo [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) phạm vào khoản 1 Điều 356 BLHS.

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 66/CT-VKSHT-P1 ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Các bị cáo bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#) đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo bị cáo [Phan Xuân P](#), [Đặng Văn M](#), [Trần Sỹ L4](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen, hoặc danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác*” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình Tiến](#) [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) quá trình công tác cũng đã được tặng thưởng nhiều giấy khen, kỷ niệm chương hoặc được một lần tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, bằng khen, huy hiệu 30 năm tuổi đảng; Ngoài ra, bị cáo [Phan Xuân P](#) có bố [Phan Xuân L](#) được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Ông [nội Phan H35](#) được tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Chú ruột [Phan T29](#) là liệt sỹ; Bị cáo [Lê Thị H](#) có bố [Lê Xuân Q](#) được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương kháng chiến hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Giấy chứng nhận Huy chương vì sự nghiệp giao thông vận tải, Hội người cao tuổi Việt Nam tặng Kỷ niệm chương; mẹ [Nguyễn Thị L1](#) được Huân chương kháng chiến hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Bị cáo [Đặng Văn M](#) có bố [Đặng Minh H1](#) được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Chủ tịch [UBND thị xã H](#) và BCH Đảng bộ [phường](#)

[Đ](#) tặng giấy khen; Bị cáo [Nguyễn Quốc V](#) có bố [Nguyễn Ngọc S](#) được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, mẹ [Nguyễn Thi B](#) được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và là người được hưởng chính sách như thương binh hạng 4/4; Cậu ruột [Nguyễn Hữu L17](#) là Liệt sỹ và được tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng; Bị cáo [Phan Văn H2](#) có bố [Phan Văn T](#) được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; bị cáo [Hoàng Đình T3](#) có bố vợ [Trần Văn X](#) là thương binh 1/4 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Thủ tướng Chính phủ tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng. Quá trình sinh sống tại địa phương, bị can tham gia hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn do Ủy ban mật trận Tổ quốc xã phát động; bị cáo [Hoàng Anh T28](#) có bố là ông [Hoàng C1](#) được Bộ trưởng [Bộ G2](#) tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; Bị cáo [Trần Đình M2](#) có bố [Trần Đình K](#) được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huy chương kháng chiến hạng Nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Bị cáo [Trần Sỹ L4](#) có bố [Trần Văn B1](#) được tặng Huân chương lao động hạng Ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; Bị cáo [Lê Duy T6](#) có bố [Lê Văn T7](#) là thương binh loại A hạng 1/8, có mẹ [Trần Thị Kim T30](#) được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Bị cáo [Nguyễn Xuân C2](#) hiện nay đang điều trị bệnh đái tháo đường và xơ gan. Bị can có bố [Nguyễn Xuân Q1](#) được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng; con gái [Nguyễn Thị L18](#) được [BCH Trung ương Đ12](#), [Ủy ban T33](#), Chủ tịch [UBND tỉnh H](#) tặng Bằng Khen, Chủ tịch [UBND huyện C](#) tặng nhiều danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở và Giấy khen; con trai [Nguyễn Xuân H36](#) nhiều năm được [Tổng công ty K5](#) tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở; bị cáo [Nguyễn Đình S1](#) có bố [Nguyễn Đình Đ](#) là bệnh binh 2/3, được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến công hạng Ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Bị cáo [Nguyễn Đình T13](#) có bố [Nguyễn Đình L8](#) tham gia dân công hỏa tuyến và được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Huy hiệu 55 tuổi Đảng; bị cáo [Tùng Thị L19](#) có chồng [Thái Doãn B2](#) được Chủ tịch [UBND tỉnh H](#) tặng Bằng khen, nhiều năm được Giám đốc [Công ty TNHH MTV T34](#) tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; có bố [Tùng Hữu Nhung](#) được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, Bộ trưởng [Bộ K6](#) và Đầu tư tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp thống kê, [UBND huyện C](#) tặng giấy khen; có mẹ [Nguyễn Thị T16](#) được BCH Hội liên hiệp phụ nữ [xã X](#) tặng giấy khen; ông nội [Tùng Nhường](#) được tặng Huy chương chiến thắng hạng Nhất, Huy chương kháng chiến hạng nhất và bà nội [Nguyễn Thị L20](#) được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Ba; có anh [Tùng Ngọc H37](#) và em [Tùng Ngọc H38](#) được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua tiên tiến, Giấy khen; bị cáo [Trần Xuân H9](#) có bố [Trần Đình C6](#) được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, Chủ tịch [UBND tỉnh H](#) tặng Bằng khen cho bố [Trần Đình C6](#) và mẹ [Trần Thị C7](#) vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; có bố vợ [Phan Hồng T31](#) được tặng Huân chương lao động, Huân chương kháng chiến, Thủ tướng chính phủ, Thống đốc [Ngân hàng N9](#), Ban chấp hành Công đoàn [Ngân hàng N9](#), Chủ tịch [UBND tỉnh H](#) tặng nhiều Bằng khen. Ngoài ra nhóm các bị cáo tại UBND đều được chính quyền địa phương có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, nên được xem xét hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt: Trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đây là một vụ án đồng phạm, trong đó, các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Phùng Văn Q2](#) là nhóm bị cáo thuộc các Trung tâm ứng dụng, khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng hoặc công ty giống- vật tư nông nghiệp là những người thực hành tích cực trong việc liên hệ thống nhất với các công ty cung ứng và chuẩn bị hồ sơ thủ tục để lập khống hoặc nâng khống hồ sơ mua bán lúa giống gây thiệt hại cho nhà nước từ 11.725.000 đồng đến 248.208.500 đồng; Cụ thể, bị cáo [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#) phạm tội nhiều lần với số thiệt hại lớn nhất (248.208.500 đồng) nên phải chịu mức án cao nhất so với các bị cáo còn lại. Tuy nhiên, hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm

nhẹ TNHS tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, quá trình phạm tội các bị cáo không phải là người khởi xướng, không có động cơ mục đích hưởng lợi cá nhân nên cần áp dụng khoản 1 điều 54 xử dưới khung hình phạt cho các bị cáo cũng đủ nghiêm.

Bị cáo [Đặng Văn M](#) gây thiệt hại ít hơn (146.964.500 đồng), không phạm vào tình tiết phạm tội nhiều lần nên chịu mức án thấp hơn hai bị cáo [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#), bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, quá trình phạm tội, bị cáo không phải là người khởi xướng, không có động cơ mục đích hưởng lợi nên cũng cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên, cần xử mức hình phạt đối với bị cáo [M](#) cao hơn các bị cáo [T3](#), bị cáo [T28](#) và bị cáo [Q2](#).

Đối với các bị cáo [Hoàng Anh T28](#), [Hoàng Đình T3](#) gây thiệt hại nhỏ hơn và tương đương nhau (34.369.500 đồng và 36.611.500 đồng) nên sẽ chịu mức án thấp hơn các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#).

Xét các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Hoàng Anh T28](#), [Hoàng Đình T3](#) có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, từ trước tới khi phạm tội luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách tại địa phương nên xét thấy, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống mà cho các bị cáo hưởng án treo là cũng đủ nghiêm. Riêng bị cáo [Phùng Văn Q2](#) là người gây thiệt hại thấp nhất trong số các bị cáo thuộc nhóm [trung tâm Ư](#) và [công ty G1](#) (11.725.000), bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo ung thư gan giai đoạn cuối, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, từ trước tới khi phạm tội luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách tại địa phương. Bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng huân chương lao động và nhiều bằng khen nên xét thấy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng khoản 3 Điều 54 xử dưới khung hình phạt và chuyển hình phạt khác nhẹ hơn cho bị cáo cũng đủ nghiêm.

Đối với các bị cáo [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#) là những bị cáo thuộc cán bộ công chức ủy ban xã, huyện là những người có vai trò khởi xướng, thực hành tích cực lập hồ sơ mua bán lúa giống gây thiệt hại cho nhà nước từ 13.680.000đ đến 84.384.000đ. Xét mức gây thiệt hại các bị cáo trong nhóm bị cáo thuộc cán bộ công chức ủy ban không cao, các bị cáo phạm tội đều không vì động cơ cá nhân mà để phục vụ mục đích xây dựng nông thôn mới, mục đích tập thể cho nhân dân hưởng lợi. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tính tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, từ trước tới khi phạm tội đã luôn chấp hành đầy đủ chủ trương chính sách của nhà nước cũng như nội quy, quy định tại địa phương; Quá trình công tác, các bị cáo đều có nhiều cống hiến cho địa phương, được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen. Chính quyền địa phương và nhân dân đều có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ tối đa mức hình phạt cho các bị cáo, bản thân các bị cáo không có động cơ hưởng lợi song sau khi khởi tố vụ án đã nhận thức hành vi sai trái của mình và đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại cho nhà nước nên HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống mà cần áp dụng Điều 54 BLHS cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới khung. Do mức hình phạt thấp nhất của tội danh truy tố đối với các bị cáo là hình phạt Cải tạo không giam giữ vì vậy áp dụng khoản 1,2,3 Điều 54 BLHS chuyển hình phạt Cảnh cáo đối với các bị cáo, tạo điều kiện để các bị cáo có cơ hội được tiếp tục cống hiến đóng góp cho địa phương, cũng là đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nhiều đóng góp cho địa phương, động cơ phạm tội không vì lợi ích cá nhân mà vì lợi ích chung của tập thể và nhân dân là cũng đủ nghiêm.

Vì vậy, xét thấy mức hình phạt và quan điểm giải quyết vụ án mà vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Trong vụ án này cũng cần xử phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo
[5] Đối với hành vi và các đối tượng liên quan trong vụ án:

- Đối với hành vi của các cá nhân có liên quan tại UBND các [xã T, T, Q, S](#) và [Thường N7, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#): [Lê Quang H11](#), [Nguyễn Văn H12](#), [Lê Thị M4](#), [Nguyễn Quang P2](#) thuộc UBND xã T; [Hoàng Thị Ngọc Á](#), [Nguyễn Văn Đ5](#), [Mai Khắc T17](#), [Bùi Thị Mỹ D1](#) thuộc UBND xã T; [N](#), [Nguyễn Trung K2](#) thuộc UBND xã T; [T](#), [Thái Hữu H17](#), [Nguyễn Anh S2](#) thuộc UBND xã S; [Nguyễn Đình V5](#), [Đặng Đình V6](#) thuộc UBND xã Q là những người có chức trách nhiệm vụ trong việc triển khai thực hiện chính sách của Nhà nước hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 62 tại địa phương đang công tác. Trong năm 2021 và 2022, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, các đối tượng nêu trên đã thông qua Trung tâm [huyện C](#) thống nhất với các Công ty cung ứng lúa giống lập không hợp đồng mua bán lúa giống và nâng không khối lượng mua bán lúa giống trong hợp đồng để giải ngân thêm nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 nhằm vận dụng nguồn kinh phí phục vụ các hoạt động tại địa phương, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, trong đó tại [UBND xã T](#) số tiền 9.583.000 đồng; [UBND xã T](#) số tiền 7.790.000 đồng; [UBND xã T](#) số tiền 4.399.000 đồng; [UBND xã S](#) số tiền 9.747.500 đồng; [UBND xã Q](#) số tiền 6.384.000 đồng. Hành vi của các đối tượng có dấu hiệu tội phạm “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại Điều 356 Bộ luật hình sự, tuy nhiên số tiền thiệt hại cho ngân sách Nhà nước do hành vi của các đối tượng gây ra dưới 10 triệu đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên hành vi của các đối tượng không cấu thành tội phạm. Cơ quan An ninh điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng nêu trên là có căn cứ.

- Đối với hành vi thỏa thuận chiết khấu, chi hỗ trợ trong quá trình mua bán lúa giống, phân bón: Trong quá trình mua bán lúa giống, phân bón từ năm 2020 đến vụ Xuân năm 2023 trên địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), các cá nhân tại các Công ty cung ứng lúa giống, phân bón đã chi trả, hỗ trợ theo số lượng đã mua cho [Trung tâm huyện Ứ](#) với tổng số tiền 431.308.920 đồng và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn [huyện C](#) mua lúa giống, phân bón số tiền 429.098.000 đồng theo số lượng đã mua. Trong năm 2021 và 2022, các cá nhân tại các Công ty cung ứng lúa giống chi trả, hỗ trợ theo số lượng lúa giống đã mua cho các cá nhân tại [UBND xã C](#), tỉnh Hà Tĩnh số tiền 86.073.000 đồng và chi hỗ trợ cho [Trần Thị T32](#) - Cán bộ [Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Ứ](#), tỉnh Hà Tĩnh (gọi tắt [Trung tâm huyện Ứ](#)) số tiền 34.616.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Trước mỗi mùa vụ sản xuất, các Công ty cung ứng gửi báo giá sản phẩm cho UBND xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với giá bán tối thiểu ra thị trường đối với từng sản phẩm lúa giống, phân bón theo yêu cầu của đơn vị cung cấp. Để thu hút khách hàng, tăng doanh số bán hàng, các cá nhân là nhân viên thị trường của các Công ty cung ứng đã tự trích lợi nhuận, thưởng doanh số bán hàng, tiền lương để chi hỗ trợ cho [Trung tâm huyện Ứ](#), UBND các xã thị trấn trên địa bàn [huyện C](#) có mua lúa giống, phân bón của các Công ty cung ứng; chi hỗ trợ cho các cá nhân tại [UBND xã C](#), [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) và [Trần Thị T32](#) là cán bộ [Trung tâm huyện Ứ](#) trong quá trình thương thảo mua bán lúa giống, phân bón. Toàn bộ doanh thu theo hợp đồng mua bán lúa giống, phân bón đã ký kết, thực hiện, các Công ty cung ứng thực hiện kê khai nộp thuế theo quy định. Việc các cá nhân thuộc các Công ty cung ứng thống nhất chiết khấu, chi hỗ trợ cho [Trung tâm huyện Ứ](#) và các đơn vị mua lúa giống, phân bón không làm thay đổi giá bán các sản phẩm ra thị trường của các Công ty cung ứng. Do đó hành vi thống nhất, thỏa thuận chiết khấu, chi hỗ trợ ngoài nội dung hợp đồng đã ký kết của các cá nhân liên quan nêu trên không cấu thành tội phạm. Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) không đề cập hình thức xử lý trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân trên là có căn cứ.

- Đối với trách nhiệm của các thành viên Tổ kiểm tra của [UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) trong kiểm tra, theo dõi việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#): Để thực hiện việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ thanh quyết toán cũng như kiểm tra, theo dõi, kiểm soát việc sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 trong hàng năm và từng vụ sản xuất, [UBND huyện C](#) phân công các Đoàn kiểm tra, đánh giá hồ sơ và thực tế triển khai thực hiện các mô hình sản xuất tại các xã,

thị trấn theo Nghị định số 62. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, hồ sơ thanh quyết toán, Đề án sản xuất từng vụ và cam kết của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn, [Phòng N10](#) và Phòng tài chính của [UBND huyện C](#) báo cáo, tham mưu [UBND huyện C](#) phê duyệt, cấp nguồn ngân sách hỗ trợ cho UBND các xã, thị trấn trên địa bàn. Trong năm 2021 và 2022, trên địa bàn [huyện C](#) có 181 mô hình sản xuất lúa tập trung, trong đó có 34 mô hình trong hai vụ Xuân 2021 (07 mô hình) và vụ Xuân 2022 (27 mô hình) tại địa bàn các [xã P, X, Kim Song T27, thị trấn N, thị trấn Đ, M, T, T, Q, T, S](#) được UBND các xã, thị trấn nêu trên lập không hồ sơ, hợp đồng mua bán và nâng khống khối lượng mua bán lúa giống trong hợp đồng so với thực tế để có thể giải ngân thêm nguồn Ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Trong số 34 mô hình, có 29 mô hình Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế, còn 05 mô hình Đoàn kiểm tra không tiến hành kiểm tra thực tế, cụ thể:

Đối với 29 mô hình Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại [thị trấn Đ, thị trấn N, các xã S 02, P, T, X, Kim Song T, Q, Thường N 02](#): Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra xác định các mô hình nói trên đều trồng đúng chủng loại lúa giống theo định hướng cơ cấu giống của địa phương trong đề án sản xuất, phù hợp hồ sơ đề nghị giải ngân nguồn ngân sách của địa phương. Tiến hành kiểm tra xác suất một số khu vực và xác định việc sản xuất tập trung trên khu vực để đánh giá toàn bộ diện tích sản xuất mô hình và tiến hành xuống đồng kiểm tra, gặt thử để xác định chất lượng cây lúa cũng như năng suất, sản lượng của từng mô hình để đánh giá tính hiệu quả. Đối với diện tích thực tế, số lượng sản xuất tại từng mô hình do không đủ phương tiện, thiết bị cũng như thời gian để thực hiện kiểm tra trong thời gian từ 07 đến 10 ngày kể từ khi lúa chín đến trước khi người dân thu hoạch. Để xác định diện tích thực tế sản xuất, Đoàn kiểm tra đã căn cứ vào danh sách các hộ dân đăng ký sản xuất mô hình tập trung do UBND xã trình, đồng thời căn cứ vào báo cáo và Bản cam kết của UBND các xã, thị trấn để xác định. Vì vậy, Đoàn kiểm tra đã thông qua các biên bản kiểm tra xác nhận diện tích và khối lượng sản xuất lúa của 29 mô hình nêu trên để Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và [Phòng tài chính tham mưu UBND huyện C](#) cấp ngân sách cho các địa phương hỗ trợ 50% chi phí mua lúa giống theo Nghị định số 62, dẫn đến việc cấp ngân sách tăng thêm so với nhu cầu thực tế với tổng số tiền là 158.737.500 đồng. Mặc dù, Đoàn kiểm tra đã thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được phân công nhưng không thể phát hiện được sự chênh lệch diện tích trên thực tế nên không phát hiện được việc lập khống hồ sơ, hợp đồng tăng thêm khối lượng mua bán lúa giống của UBND các xã, thị trấn nêu trên. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra không đề cập hình thức xử lý trách nhiệm hình sự đối với các thành viên Đoàn kiểm tra tại 29 mô hình là có căn cứ.

Đối với 05 mô hình Đoàn kiểm tra không kiểm tra trên thực tế tại [xã T 01; Kim Song T; M](#): Do không tiến hành kiểm tra thực tế tại các mô hình nên Đoàn kiểm tra được phân công không phát hiện được chênh lệch về diện tích, khối lượng lúa giống sản xuất trên thực tế so với diện tích, khối lượng lúa giống trong hồ sơ đề nghị cấp nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62, cũng như không phát hiện được việc lập khống hồ sơ, hợp đồng nâng khống khối lượng mua bán lúa giống tại 05 mô hình trên, dẫn đến UBND các [xã T, K, M](#) giải ngân nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 trái quy định với số tiền 89.471.000 đồng. Để xảy ra hậu quả nêu trên là do hành vi thiếu trách nhiệm của các thành viên trong Đoàn kiểm tra được phân công, tuy nhiên số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước dưới 100.000.000 đồng nên hành vi của các thành viên trong Đoàn kiểm tra không cấu thành tội phạm “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự.

- Đối với [Trần Đình L15](#) - Cán bộ phụ trách nông nghiệp [xã M](#), [Nguyễn Huy Đ9](#) - Cán bộ phụ trách nông nghiệp [xã K](#): [Trần Đình L15](#) là người tham mưu, đề xuất và trực tiếp thực hiện hành vi lập khống hồ sơ, hợp đồng mua bán 1.668kg lúa giống Bắc Thịnh xảy ra tại [UBND xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 31.692.000 đồng; [Nguyễn Huy Đ9](#) là người tham mưu, đề xuất và trực tiếp thực hiện hành vi lập khống 02 hợp đồng mua bán 2.631kg lúa giống Bắc Thịnh và 1.970kg lúa giống BT09, lập 01 hợp đồng nâng khống 940kg lúa giống [H](#), xảy ra tại [UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), gây thiệt hại ngân sách Nhà

nước tổng số tiền 84.384.000 đồng. Hành vi của [Trần Đình L15](#) và [Nguyễn Huy Đ9](#) đã phạm vào tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự, tuy nhiên trước khi hành vi phạm tội bị phát hiện [Trần Đình L15](#) và [Nguyễn Huy Đ9](#) đã chết. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) không đề cập hình thức xử lý đối với [Trần Đình L15](#) và [Nguyễn Huy Đ9](#) là có căn cứ.

- Đối với [Nguyễn Thị Hồng V7](#) - *Kế toán UBND thị trấn Đ*; [Phan Thị H28](#) - *Kế toán UBND xã K*; [Nguyễn Minh H19](#) - *Kế toán UBND xã P*; [Phan Thị Thu H24](#) - *Kế toán UBND xã M*; [Phan Thị Thúy L13](#) - *Kế toán UBND thị trấn N*; [Trần Thị Thúy H27](#) - *Kế toán UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh*: Tại thời điểm các bị can thực hiện hành vi phạm tội, các cá nhân trên là kế toán thực hiện thủ tục chuyển 50% nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 tương ứng giá trị hợp đồng cho các Công ty cung ứng lúa giống. Tuy nhiên, những người này thực hiện theo nhiệm vụ chuyên môn, căn cứ trên hồ sơ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; quá trình các bị can thực hiện hành vi lập khống hợp đồng mua bán lúa giống và nâng khống khối lượng mua bán lúa giống trong hợp đồng để giải ngân nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 thì những người này không biết. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) không đề cập hình thức xử lý trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân trên là có căn cứ.

- Đối với [Nguyễn Thị S3](#), [Võ Thị Thanh H26](#), [Đặng Thị H21](#) - *Cán bộ Trung tâm huyện C, tỉnh Hà Tĩnh*: [Nguyễn Thị S3](#) là người đã thông báo cho [Nguyễn Đình S1](#) biết về nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62 của [UBND thị trấn N](#) trong năm 2021 còn dư và được Sáng liên hệ để đặt mua 1.451kg lúa giống Bắc Thịnh; [Võ Thị Thanh H26](#) là người được [Từ Thị Lan H8](#) liên hệ nhờ Trung tâm [huyện C](#) đặt mua 720kg lúa giống Bắc Thịnh cho [UBND xã X](#); [Đặng Thị H21](#) là thủ quỹ của [Trung tâm huyện Ứ](#), sử dụng tài khoản ngân hàng cá nhân để nhận và thanh toán tiền cho các bên liên quan trong quá trình mua bán lúa giống giữa UBND các xã, thị trấn với [Công ty C11](#). Tuy nhiên, [Nguyễn Thị S3](#), [Võ Thị Thanh H39](#), [Đặng Thị H21](#) không biết việc các bị can thực hiện lập khống hồ sơ, hợp đồng mua bán lúa giống và nâng khống khối lượng mua bán lúa giống trong hợp đồng để giải ngân nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 62. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) không đề cập hình thức xử lý trách nhiệm hình sự đối với [Nguyễn Thị S3](#), [Võ Thị Thanh H26](#), [Đặng Thị H21](#) là có căn cứ.

- Đối với [Bùi Văn P5](#) - *Giám đốc và Lương Thị Phương A* - *Kế toán Công ty TNHH Đ11, trụ sở tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh*: Quá trình cung ứng lúa giống tại địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), [Công ty TNHH Đ11](#) đã ký kết 02 hợp đồng mua bán lúa giống có nâng khống khối lượng mua bán so với thực tế với [xã T và S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), cụ thể: Đối với Hợp đồng mua bán 1.417kg lúa giống ADI168 với [UBND xã T](#), có nâng khống 236kg so với thực tế. Tuy nhiên, việc các đối tượng tại [UBND xã T](#) và [Trung tâm huyện Ứ](#) thoả thuận, thống nhất nâng khống 236kg khối lượng lúa giống mua bán trong hợp đồng nêu trên, [Bùi Văn P5](#) và [Lương Thị Phương A](#) không biết, quá trình thực hiện hợp đồng [Công ty TNHH Đ11](#) vẫn xuất hoá đơn, cung cấp đúng số lượng 1.417 kg lúa giống ADI168 trên hợp đồng cho [UBND xã T](#) và [Trung tâm huyện Ứ](#). Đối với 236kg lúa giống ADI168 mà [UBND xã T](#) không có nhu cầu lấy giống, Trung tâm [huyện C](#) sử dụng để bán lẻ cho các địa phương khác. Đối với Hợp đồng mua bán 1.200kg lúa giống ADI168 với [UBND xã S](#), trong đó nâng khống 557kg so với thực tế. Mặc dù biết rõ việc xuất hoá đơn nâng khống khối lượng mua bán lúa giống trong hợp đồng để giải ngân nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 là trái quy định pháp luật, tuy nhiên để tạo mối quan hệ làm ăn, thu hút khách hàng [Bùi Văn P5](#) và [Lương Thị Phương A](#) đồng ý giúp [UBND xã S](#) và [Trung tâm huyện Ứ](#) xuất hoá đơn nâng khống 557kg lúa giống ADI168 so với thực tế mua bán, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 số tiền 9.747.500 đồng. Hành vi nêu trên có dấu hiệu tội phạm “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại Điều 356 Bộ luật hình sự, tuy nhiên số tiền thiệt hại cho ngân sách Nhà nước dưới 10.000.000 đồng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) không đề cập hình thức xử lý

trách nhiệm hình sự đối với [Bùi Văn P5](#), [Lương Thị Phương A](#) và các cá nhân liên quan là có căn cứ.

- Đối với [Lê Hữu S4](#) – Giám đốc [Công ty TNHH G1](#), trụ sở tại [phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An](#): Quá trình cung ứng lúa giống tại địa bàn [huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), [Công ty TNHH G1](#) đã ký kết 02 hợp đồng mua bán lúa giống có nâng khống khối lượng mua bán thực tế với [xã K và xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#), cụ thể: Đối với Hợp đồng mua bán 1.664kg lúa giống [H](#) với [UBND xã K](#), việc nâng khống 940kg lúa giống so với thực tế nhu cầu mua lúa giống của [UBND xã K](#) thì các cá nhân tại [Trung tâm huyện Ứ](#) và [UBND xã K](#) không trao đổi, thống nhất với [Lê Hữu S4](#). Đối với 1.664kg lúa giống [H](#) 3 nói trên, quá trình xuất hoá đơn [Công ty TNHH G1](#) đã tiến hành xuất hoá đơn phù hợp với số lượng đã mua bán trên thực tế theo đề nghị của [Trung tâm huyện Ứ](#). Đối với 940kg lúa giống [H](#) mà [UBND xã K](#) không có nhu cầu nhận giống, [Trung tâm huyện Ứ](#) sử dụng để bán cho các địa phương khác nhưng không đề nghị xuất hoá đơn; Đối với Hợp đồng mua bán 1.133kg lúa giống [H](#) với [UBND xã T](#), việc nâng khống 137kg lúa giống so với thực tế nhu cầu mua lúa giống của [UBND xã T](#), gây thiệt hại số tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo Nghị định số 62 số tiền 2.534.500 đồng. Khi thực hiện hợp đồng, [Công ty TNHH G1](#) vẫn xuất hoá đơn, cung cấp đúng số lượng 1.133kg lúa giống [H](#) 3 cho [Trung tâm huyện Ứ](#) và [UBND xã T](#). Việc các cá nhân tại [Trung tâm huyện Ứ](#) và [UBND xã T](#) thống nhất nâng khống 137kg lúa giống so với nhu cầu thực tế mua bán của [UBND xã T](#) thì [Lê Hữu S4](#) không biết. Sau đó, [Phan Xuân P](#) có trả lại 220kg lúa giống [H](#) 3 cho [Công ty TNHH G1](#) do nhu cầu đăng ký mua lúa giống của các địa phương trên địa bàn không sử dụng hết, tuy nhiên [P](#) không trao đổi gì với [Lê Hữu S4](#) về nguồn gốc số lượng 220kg lúa giống còn dư, cũng như việc nâng khống 137kg lúa giống [H](#) cho [UBND xã T](#) trong Hợp đồng nêu trên. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) không đề cập hình thức xử lý đối với [Lê Hữu S4](#) là căn cứ.

- Đối với [Phùng Thị P4](#) - Thủ quỹ, [Vũ Thị T22](#) - Kế toán, [Đinh Văn T23](#) - Thủ kho của [Công ty TNHH V10](#), trụ sở tại [khu phố C, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình](#): [Phùng Thị P4](#) là người sử dụng tài khoản cá nhân để chuyển trả lại tiền thừa tương ứng với số lượng 670kg lúa giống DQ11 nâng khống trong hợp đồng ký kết giữa [Công ty TNHH V10](#) với [UBND thị trấn Đ](#); [Vũ Thị T22](#) là người xuất toán hóa đơn 2.880kg lúa giống DQ11 cho [UBND thị trấn Đ](#); [Đinh Văn T23](#) là người xuất kho tổng khối lượng lúa giống DQ11 mà Công ty bán cho các địa phương trên địa bàn [huyện C](#). Việc [Phùng Thị P4](#), [Vũ Thị T22](#), [Đinh Văn T23](#) thực hiện các hành vi trên theo nhiệm vụ được giao và chỉ đạo của [Phùng Văn Q2](#), những người này không biết việc [Phùng Văn Q2](#) thống nhất với các đối tượng tại [UBND thị trấn Đ](#) và [Trung tâm huyện Ứ](#) nâng khống 670kg lúa giống DQ11 trong hợp đồng ký kết với [UBND thị trấn Đ](#). Do đó, Cơ quan An ninh điều tra [Công an tỉnh H](#) không đề cập hình thức xử lý trách nhiệm hình sự đối với [Phùng Thị P4](#), [Vũ Thị T22](#), [Đinh Văn T23](#) là có căn cứ.

[6] Về vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp:

- Quá trình điều tra xác định các đồ vật, tài liệu sau không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can nên Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, gồm:

+ Trả lại cho [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#) số tiền 200.000.000 đồng (trong tổng số tiền 208.195.500 đồng đã thu giữ);

+ Trả lại cho [Nguyễn Xuân C2](#): 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số 0915.424.663;

+ Trả lại cho [Trần Xuân H9](#): Số tiền 20.000.000 đồng tiền Việt nam đồng; 700 đô la Mỹ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh than, bên trong gắn 02 thẻ sim số 0985.227.510 và 0946.129.278;

+ Trả lại cho [Từ Thị Lan H8](#): 66 quyển biên lai thu tiền đóng góp các loại Quỹ của [UBND xã X](#); 03 túi Clearbag đựng 52 tờ tài liệu là các hồ sơ liên quan đến phương án vận động đóng góp các khoản thuế, thuế quỹ của [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#) và 63 tờ tài liệu là các hồ sơ liên quan đến các Hợp đồng mua bán lúa giống làm mô hình Vietgap; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu DELL, LCD; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X.

+ Trả lại cho [UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#): 01 Key màu đen nhãn hiệu HUNO, bên trong có gắn 01 ổ cứng nhãn hiệu Kington Technology dung lượng 120GB.

+ Trả lại cho [Trung tâm Ư](#) vật nuôi [huyện C](#): 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Dell - Latitude 3420, bên trong gắn 01 ổ cứng nhãn hiệu KIOXIA SOLID STATE DRIVE, model KBG40ZNS256G, dung lượng 256Gb; 01 Key máy tính màu đen, bên trong có gắn 01 ổ cứng model: WD1600AAJS, 160Gb, Sata/ 8Mb Cache, S/N: WMAV2CA96741; 01 quyển sổ ghi chép màu đỏ, bên trong sổ đã được ghi nội dung trong 66 trang; 07 hộp tài liệu màu xanh đựng 5.323 tờ tài liệu; 01 máy tính xách tay màu xám, nhãn hiệu Dell bên trong có gắn 01 ổ cứng màu đen, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 120GB, có số hiệu SA400S37/120G.

+ Trả lại cho [Đặng Văn M](#): 03 hộp nhựa màu xanh đựng 1.929 trang tài liệu (trong tổng số 1.979 trang tài liệu thu giữ); 04 hộp nhựa màu xanh đựng 1.115 trang tài liệu (trong tổng số 1.225 trang tài liệu thu giữ); 02 hộp nhựa màu xanh đựng 1.773 trang tài liệu; 02 hộp nhựa màu xanh đựng 680 trang tài liệu; 01 một máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu bạc; 01 một điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 màu đen, bên trong gắn sim số 0917.066.558; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massetel màu đen.

- Đối với số tiền 8.195.500 đồng của [Phan Xuân P](#) và [Lê Thị H](#) giao nộp; Số tiền 27.569.000 đồng của [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Đình S1](#) giao nộp; Số tiền 31.394.500 đồng của [Nguyễn Xuân C2](#), [Lê Duy T6](#) giao nộp; Số tiền 50.000.000 đồng của [Nguyễn Quốc V](#), [Nguyễn Văn H33](#) giao nộp; Số tiền 13.680.000 đồng của [Trần Xuân H9](#), [Tù Thị Lan H8](#) giao nộp; Số tiền 31.692.000 đồng của [Trần Đình M2](#), [Trần Sỹ L4](#) giao nộp. Hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của [Công an tỉnh H](#) được chuyển đến tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 11.725.000 đồng [Nguyễn Đình T13](#) giao nộp; Số tiền 9.860.000 đồng [Nguyễn Bá T12](#) giao nộp; Số tiền 34.395.000 đồng [Nguyễn Quốc V](#) giao nộp; Số tiền 4.399.000 đồng [Nguyễn Trung K2](#) giao nộp; Số tiền 9.747.500 đồng [Thân Thị L12](#) giao nộp; Số tiền 7.666.400 đồng [Lê Quang H11](#) giao nộp; Số tiền 6.384.000 đồng [Nguyễn Đình V5](#) giao nộp; Số tiền 7.790.000 đồng [Hoàng Thị Ngọc Á](#) giao nộp. Số tiền trên các bị can và cá nhân liên quan giao nộp vào tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, vì vậy tiếp tục tạm giữ số tiền trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím thu giữ của [Phan Xuân P](#) chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các tờ tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng:

* Xét các vật chứng của vụ án gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím thu giữ của [Phan Xuân P](#) là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước Xét tổng số tiền 248.208.500 đồng đồng do các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Nguyễn Văn H33](#), [Trần Xuân H9](#), [Tù Thị Lan H8](#), [Trần Đình M2](#), [Trần Sỹ L4](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Nguyễn Trung K2](#), [Thân Thị L12](#), [Lê Quang H11](#), [Nguyễn Đình V5](#), [Hoàng Thị Ngọc Á](#) giao nộp để đảm bảo việc bồi thường thiệt hại cho Nhà nước nên cần tiếp tục tạm giữ và kê biên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án các bị cáo, đối tượng liên quan đã liên đới khắc phục đầy đủ số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 248.208.500 đồng, cụ thể: [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) mỗi người nộp 26.945.900 đồng (mỗi người nộp thừa 3.139.450 đồng); [Nguyễn Xuân C2](#), [Lê Duy T6](#) mỗi người nộp 12.557.800 đồng; [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#) mỗi người nộp 33.953.600 đồng (mỗi người nộp thừa 5.500 đồng); [Trần Xuân H9](#), [Tù Thị Lan H8](#) mỗi người nộp 5.472.000 đồng; [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#) mỗi người nộp 12.676.800 đồng; [Bùi Viết H5](#) nộp 7.353.000 đồng; [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#) mỗi người nộp 7.351.000 đồng; [Nguyễn Đình T13](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Nguyễn Thị H6](#) mỗi

người nộp 4.903.350 đồng; [Hoàng Anh T28](#) nộp 1.815.000 đồng; [Nguyễn Đình V5](#), [Đặng Đình V6](#) mỗi người nộp 2.553.600 đồng; [Nguyễn Anh S2](#), [Thái Hữu H17](#) mỗi người nộp 2.599.000 đồng; [Thân Thị L12](#) nộp 2.600.000 đồng; [Lê Quang H11](#), [Nguyễn Quang P2](#), [Lê Thị M4](#), [Nguyễn Văn H12](#) nộp mỗi người 1.916.600 đồng; [Nguyễn Trung K2](#), [Nguyễn Sỹ H16](#) mỗi người nộp 2.199.500 đồng; [Mai Khắc T17](#), [Nguyễn Văn Đ5](#), [Bùi Thị Mỹ D1](#), [Hoàng Thị Ngọc Á](#) mỗi người nộp 710.750 đồng; tại phiên tòa, các bị cáo cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

[9] *Về án phí*: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo đều bị kết tội nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật hình sự.

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) phạm tội: “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

[2] Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; Điểm b, s (Bị cáo [Phan Xuân P](#) được áp dụng điểm v) khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58, Khoản 1 Điều 54, điều 65 BLHS, xử phạt:

+ Bị cáo [Phan Xuân P](#) 36 tháng tù cho hưởng án treo, Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

+ Bị cáo [Lê Thị H](#) 36 tháng tù cho hưởng án treo, Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58, Điều 65 BLHS, xử phạt:

Bị cáo [Đặng Văn M](#) 24 tháng tù cho hưởng án treo, Thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (Đối với bị cáo [Hoàng Anh T28](#) được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51); Điều 17; Điều 58, Điều 65 BLHS, xử phạt:

+ Bị cáo [Hoàng Đình T3](#) 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Bị cáo [Hoàng Anh T28](#) 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) cho chính quyền địa phương [UBND thị trấn N](#), [huyện C](#); [Đặng Văn M](#) cho chính quyền địa phương [UBND xã T- thành phố H](#); [Hoàng Đình T3](#) cho [UBND xã Í](#), [huyện T](#); [Hoàng Anh T28](#) cho [UBND phường T](#), [thành phố H](#) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (Bị cáo [Trần Sỹ L4](#) áp dụng thêm điểm v); Điều 17; Khoản 1,3 Điều 54, Điều 58, Điều 34 BLHS, xử phạt:

+ Bị cáo [Nguyễn Quốc V](#) mức án Cảnh cáo

+ Bị cáo [Phan Văn H2](#) mức án Cảnh cáo

- + Bị cáo [Trần Sỹ L4](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Trần Đình M2](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Lê Duy T6](#) mức án Cảnh cáo
- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (Bị cáo [Nguyễn Xuân C2](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#) áp dụng thêm điểm v); Điều 17; Điều 58, Khoản 1,3 điều 54, Điều 34 BLHS, xử phạt:
- + Bị cáo [Nguyễn Xuân C2](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Nguyễn Đình S1](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Phan Công L5](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Bùi Viết H5](#) mức án Cảnh cáo
- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (Bị cáo [Nguyễn Bá T12](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Trần Đình V3](#), [Trần Xuân H9](#) áp dụng thêm điểm v); Điều 17; Điều 58, Khoản 1,3 điều 54, Điều 34 BLHS, xử phạt:
- + Bị cáo [Nguyễn Thị H6](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Nguyễn Bá T12](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Nguyễn Đình T13](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Trần Đình V3](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Từ Thị Lan H8](#) mức án Cảnh cáo
- + Bị cáo [Trần Xuân H9](#) mức án Cảnh cáo
- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Khoản 1,3 điều 54, Điều 17; Điều 58, Điều 34 BLHS, xử phạt:
- + Bị cáo [Phùng Văn Q2](#) mức án Cảnh cáo
- **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 4 Điều 356 xử phạt bổ sung đối với: [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) mỗi bị cáo 50.000.000đ. [Đặng Văn M](#) 40.000.000đ, [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#) mỗi bị cáo mỗi bị cáo 30.000.000đ. [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#) mỗi bị cáo mỗi bị cáo 20.000.000đ. [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) mỗi bị cáo 10.000.000đ
- [3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS;
- + Tịch thu, sung công quỹ đối với:
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max (*thu giữ của bị cáo [Phan Xuân P](#)*);
- Số tiền 248.208.500 đồng các bị cáo và người liên quan đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả (có tại số tài khoản 3949.0.1055068 tại [Kho bạc Nhà nước tỉnh H](#) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh);
- + Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, gồm: Các bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#) mỗi bị cáo 3.139.450 đồng; [Nguyễn Quốc V](#) và [Phan Văn H2](#) mỗi bị cáo 5.500.000 đồng để khấu trừ trong số tiền các bị cáo nộp phạt bổ sung.
- (Tình trạng, đặc điểm các vật chứng có trong Biên bản giao nhận vật chứng số 72/2024 ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra [Công an tỉnh H](#) và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh)
- [4] Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo [Phan Xuân P](#), [Lê Thị H](#), [Đặng Văn M](#), [Nguyễn Quốc V](#), [Phan Văn H2](#), [Hoàng Đình T3](#), [Hoàng Anh T28](#), [Trần Sỹ L4](#), [Trần Đình M2](#), [Lê Duy T6](#), [Nguyễn Xuân C2](#), [Nguyễn Đình S1](#), [Phan Công L5](#), [Bùi Viết H5](#), [Nguyễn Thị H6](#), [Nguyễn Bá T12](#), [Trần Đình V3](#), [Nguyễn Đình T13](#), [Từ Thị Lan H8](#), [Trần Xuân H9](#), [Phùng Văn Q2](#) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- [6] Quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị cáo [Phùng Văn Q2](#) và

những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PV27, PC44- CA Hà Tĩnh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh
- THAHS TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ
- Lưu VT; HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
Trương Thị Lệ Thu

